

CỤC HẬU CÀN QUÂN KHU 7
BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y MIỀN ĐÔNG

DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM YÊU CẦU BẢO GIÁ KẾ HOẠCH NĂM 2024

Gói thầu số 02: Mua hóa chất, vật tư xét nghiệm 315 danh mục

(Kèm theo Yêu cầu báo giá ngày 24 tháng 04 năm 2024 của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông)

1	2	3	4	5	6	7	8
STT/DM YCBG	Tên hóa chất, vật tư xét nghiệm yêu cầu báo giá	Tên thiết bị y tế/Nguồn gốc xuất xứ của thiết bị để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm mà Nhà thầu khi trúng thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp cho Chủ đầu tư (Nhà thầu có văn bản cam kết trong E-HSDT theo quy định tại Điểm a Mục 1 Điều 55 Luật Đấu thầu năm 2023)	Yêu cầu về thành phần cấu tạo, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của hóa chất, vật tư xét nghiệm	Yêu cầu về xuất xứ của hóa chất, vật tư xét nghiệm yêu cầu báo giá (theo Nhóm nước, Vùng lãnh thổ)	ĐVT	Số lượng yêu cầu dự kiến	Ghi chú
1	Test nhanh phát hiện H. pylori bằng phương pháp Urease test	Hóa chất thường quy, không theo máy	- Môi trường chuyên biệt dạng gel chứa trong giếng của một bảng nhựa, dùng để phát hiện nhanh vi khuẩn H.pylori có trong bệnh phẩm hoặc môi trường nuôi cấy. Bảng nhựa được làm bằng PS, màu trắng trong, Bảng nhựa có kích thước bề mặt 50x20mm. Chiều cao của bảng nhựa 15mm. Ngay giữa bảng nhựa có giếng với đường kính 6mm và chiều cao của giếng 10mm. - Kết quả (+): trong giếng gel có màu đỏ cánh sen trong vòng 1 giờ đối với bệnh phẩm nội soi dạ dày và trong vòng 1 phút vi khuẩn trên môi trường nuôi cấy - Kết quả (-): Trong giếng gel không có sự đổi màu Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 đến 8 độ C Đạt tiêu chuẩn: H3541ISO 13485:2017/C35413485:2016	Việt Nam	Test	15,000	
2	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Toxocara	Máy xét nghiệm miễn dịch Elisa. Xuất xứ thiết bị: G7.	Là xét nghiệm bán định lượng để phát hiện kháng thể IgG của Toxocara, trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương bằng kỹ thuật xét nghiệm ELISA. Thành phần gồm: Chủng dương: 1 lọ x 2ml; Chủng âm: 1 lọ x 2ml. Tổng thời gian ủ: 20p. Độ nhạy: ≥87.5%. Độ đặc hiệu: ≥93.3%. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	G7	Test	1,920	
3	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG Cysticercosis IgG (T.Solium)	Máy xét nghiệm miễn dịch Elisa. Xuất xứ thiết bị: G7.	Đề sàng lọc định tính kháng thể IgG ở huyết thanh của T.Solium bằng kỹ thuật xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết Enzyme (ELISA). Thành phần gồm: Chủng dương: 1 lọ x 1ml; Chủng âm: 1 lọ x 1ml. Tổng thời gian ủ: 20phút. Độ nhạy: ≥88%. Độ đặc hiệu: ≥96%. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	G7	Test	960	

1	2	3	4	5	6	7	8
4	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus	Máy xét nghiệm miễn dịch Elisa. Xuất xứ thiết bị: G7.	Đề sàng lọc định tính kháng thể IgG ở huyết thanh của Echinococcus bằng kỹ thuật xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết Enzyme (ELISA). Thành phần gồm: Chủng dương: 1 lọ x 1ml; Chủng âm: 1 lọ x 1ml; Tổng thời gian ủ: 20p; Độ nhạy: $\geq 97,9\%$; Độ đặc hiệu: $> 91,7\%$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	G7	Test	960	
5	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Strongyloides	Máy xét nghiệm miễn dịch Elisa. Xuất xứ thiết bị: G7.	Đề sàng lọc định tính kháng thể IgG ở huyết thanh của Strongyloides bằng kỹ thuật xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết Enzyme (ELISA). Thành phần gồm: Chủng dương: 1 lọ x 1ml; Chủng âm: 1 lọ x 1ml. Tổng thời gian ủ: 20phút. Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: 100%. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	G7	Test	1,920	
6	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Fasciola	Máy xét nghiệm miễn dịch Elisa. Xuất xứ thiết bị: G7.	Đề sàng lọc định tính kháng thể IgG ở huyết thanh của Fasciola bằng kỹ thuật xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết Enzyme (ELISA). Thành phần gồm: Chủng dương: 1 lọ x 1ml; Chủng âm: 1 lọ x 1ml; Tổng thời gian ủ: 20phút; Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100%. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	G7	Test	960	
7	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma spinigerum	Máy xét nghiệm miễn dịch Elisa. Xuất xứ thiết bị: G7.	Xét nghiệm Gnathostoma ELISA là xét nghiệm miễn dịch bán định lượng để dò tìm kháng thể Gnathostoma trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Xét nghiệm này nên được dừng bởi kỹ thuật viên có tay nghề. Thành phần: Chủng dương 2ml; Chủng âm 2ml; Thời gian ủ: 50 phút. Độ nhạy: $\geq 93\%$; Độ đặc hiệu: 100%. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA	G7	Test	960	
8	Bộ xét nghiệm GIUN MỐC trong huyết thanh hoặc huyết tương (Ancylostoma IgG)	Máy xét nghiệm miễn dịch Elisa. Xuất xứ thiết bị: G7.	Bộ xét nghiệm dùng để định tính kháng thể IgG Ancylostoma sử dụng phương pháp miễn dịch enzyme. Thành phần bao gồm: Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE; FDA.	G7	Test	192	
9	Đầu col 300ul cho máy Elisa	Máy xét nghiệm miễn dịch Elisa. Xuất xứ thiết bị: G7.	Đầu col phủ tĩnh điện chuyên dụng 300ul cho máy Elisa	G7	Cái	9,600	
10	Đầu col 1100ul cho máy Elisa	Máy xét nghiệm miễn dịch Elisa. Xuất xứ thiết bị: G7.	Đầu col phủ tĩnh điện chuyên dụng 1100ul cho máy Elisa	G7	Cái	6,720	
11	Que thử nước tiểu 11 thông số	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số. Xuất xứ thiết bị: Châu Á.	Test thử nước tiểu phân tích 11 thông số: Ascorbic Acid, Bilirubin, Blood, Glucose, Ketones, Leucocytes, Nitrite, pH, Protein, Specific Gravity/Density, Urobilinogen. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Test	20,000	
12	Hóa chất xét nghiệm huyết học	Máy xét nghiệm huyết học tự động.	<ul style="list-style-type: none"> - Là một chất vệ sinh đặc biệt sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học. - Subtilisin <5,0% - Polyoxyethylene Ether <10,0%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	G7	Hộp	6	
13	Hóa chất xét nghiệm huyết học	Máy xét nghiệm huyết học tự động.	<ul style="list-style-type: none"> Ly giải nhanh chóng các tế bào hồng cầu và giảm thiểu hình thành các mảnh tế bào Tách tế bào chất của bạch cầu, để lại màng nhân để có thể đếm nhân của bạch cầu. Chuyển hemoglobin sang dạng phức hợp chromagen bền vững. -Thành phần: Quaternary Ammonium Salt <10% Hydroxylamine Salt <3%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	17	

1	2	3	4	5	6	7	8
14	Hóa chất xét nghiệm huyết học	Máy xét nghiệm huyết học tự động.	<p>Thành phần: Buffer <1.00% Aromatic Oxy-Alcohol <1.00% Polyoxy ethylene Ether <0.10% • Làm chất pha loãng cho WBC • Ly giải nhân cầu tế bào hồng cầu • Duy trì các đặc tính phân tán thích hợp của WBC trong quá trình đo • Tạo tình trạng ẩm ướt để tránh tích tụ các bóng khí trong hệ thống dòng WBC *Làm chất pha loãng cho Reticulocytes. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. *Duy trì sự ổn định cho thể tích đã pha loãng của tế bào hồng cầu và tiêu cầu trong chu kỳ đêm và phân cỡ.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Làm màng bọc bên ngoài cho quá trình thủy động lực học • Làm chất rửa cho hệ thống dung dịch <p>*Thành phần: Sodium Phosphate, Dibasic <0.3% Potassium Phosphate, Monobasic <0.05% Disodium EDTA, Dihydrate <0.03% Sodium Chloride <1.0% Potassium Chloride <0.05% Surfactant <0.002% Preservatives <0.04%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>- Xét nghiệm miễn dịch hai bước để định lượng peptide lợi niệu natri type B có acid amin đầu N tận cùng trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng công nghệ CMIA với quy trình xét nghiệm linh hoạt. - Bảo quản tối đa đến khi hết hạn sử dụng khi chưa mở nắp ở nhiệt độ 2-8 độ C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p>	G7	Hộp	65	
15	Hóa chất xét nghiệm huyết học	Máy xét nghiệm huyết học tự động.	<p>Dùng để hiệu chuẩn khi thực hiện định lượng peptide lợi niệu natri type B có acid amin đầu N tận cùng (NT-proBNP) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>Dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích khi thực hiện định lượng peptide lợi niệu natri type B có amino acid đầu N tận cùng (NT-pro BNP) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>Dung dịch đường kim. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>Sử dụng để hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng virus viêm gan C (Anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>- Được dùng để hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch type 1 và/hoặc type 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p>	G7	Hộp	110	
16	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.		G7	Hộp	3	
17	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.		G7	Hộp	1	
18	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.		G7	Hộp	1	
19	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.		G7	Hộp	1	
20	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.		G7	Hộp	1	
21	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.		G7	Hộp	1	

1	2	3	4	5	6	7	8
22	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch typ 1 và/hoặc typ 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
23	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Xét nghiệm HAVAb-IgM là xét nghiệm miễn dịch hai bước tự động để phát hiện định tính IgM anti-HAV trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng công nghệ CMIA với quy trình xét nghiệm linh hoạt. - Thời gian bảo quản tối đa trên hệ thống là 30 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	5	
24	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	10	
25	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính và định lượng kháng nguyên e virus viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	8	
26	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	25	
27	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và/hoặc loại 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	45	
28	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để hiệu chuẩn hệ thống cho phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	2	
29	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để ước tính độ chính xác và phát hiện độ lệch sai số cho phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	2	
30	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên e của virus viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	2	
31	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể IgM kháng virus viêm gan A (IgM anti-HAV) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	2	
32	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm phát hiện định tính HBeAg (kháng nguyên vỏ của virus viêm gan B) trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
33	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để kiểm tra việc hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng virus viêm gan C (Anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
34	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích khi thực hiện định tính phát hiện kháng thể IgM kháng virus viêm gan A (IgM anti-HAV) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
35	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Đề theo dõi độ lặp lại của quy trình xét nghiệm của phòng xét nghiệm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	2	

1	2	3	4	5	6	7	8
36	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Được sử dụng cho hiệu chuẩn khi thực hiện định tính và định lượng nội tiết tố beta human chorionic gonadotropin (β -hCG) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		2
37	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Được sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện định tính và kháng định có kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		2
38	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Dùng để hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện định lượng kháng thể kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (antiHBs) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		2
39	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích hệ thống của (thuốc thử, chất hiệu chuẩn và thiết bị), khi thực hiện định lượng kháng thể kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		2
40	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Được sử dụng để hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định lượng triiodothyronine tự do (Free T3) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		2
41	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định lượng thyroxine tự do (Free T4) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		2
42	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Dùng trong hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định lượng hormon kích thích tuyến giáp người (TSH) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		3
43	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để kiểm tra độ chính xác và độ chính xác của hệ thống máy xét nghiệm khi thực hiện định lượng hormon kích thích tuyến giáp người (TSH) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		2
44	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Để ước tính độ chính xác và phát hiện sai số hệ thống khi xét nghiệm định lượng troponin I (cTnI) trong mẫu huyết thanh và huyết tương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		2
45	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Xét nghiệm miễn dịch hai bước tự động để phát hiện định tính các kháng thể IgM kháng virus Rubella trong huyết thanh và huyết tương người, có quy cách xét nghiệm linh hoạt - độ chính xác $\leq 10\%$ CV toàn phần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		8
46	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Để hiệu chuẩn hệ thống khi xét nghiệm định lượng troponin I (cTnI) trong mẫu huyết thanh và huyết tương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		4
47	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và phát hiện định tính các kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		6
48	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PSA toàn phần (cả PSA tự do và PSA phức hợp với alpha-1-antichymotrypsin) trong huyết thanh người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		10
49	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và định tính beta human chorionic gonadotropin (β -hCG) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		14
50	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên ung thư phổi carcinoembryonic (CEA) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp		15

1	2	3	4	5	6	7	8
51	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Dung dịch hydrogen peroxide được sử dụng để tách thuốc nhuộm acridinium ra khỏi liên hợp liên kết với phức hợp vi hạt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	18	
52	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng alpha-fetoprotein (AFP). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	18	
53	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Dung dịch natri hydroxit được sử dụng để tạo ra phản ứng phát quang hóa học cung cấp kết quả đọc cuối cùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	19	
54	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	20	
55	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng troponin I tim (cTnI) trong huyết tương và huyết thanh người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	30	
56	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	55	
57	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng triiodothyronine tự do (Free T3) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	40	
58	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng thyroxine tự do (Free T4) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	40	
59	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng hormon kích thích tuyến giáp ở người (thyroidstimulating hormone - TSH) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	40	
60	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Nước rửa sử dụng trên máy. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	60	
61	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (cả dạng PSA tự do và phức hợp PSA với alpha-1 antichymotrypsin) trong huyết thanh người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	2	
62	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định lượng và phát hiện định tính kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương người, giúp xác định tình trạng miễn dịch với rubella. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	2	
63	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích khi thực hiện định tính phát hiện kháng thể IgM kháng virus Rubella trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	2	
64	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Được dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch khi thực hiện xét nghiệm định tính và kháng định có kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	2	
65	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	-Sử dụng để ước tính độ chính xác và phát hiện sai số hệ thống của (thuốc thử, mẫu chuẩn và thiết bị), khi thực hiện xét nghiệm định lượng triiodothyronine tự do (Free T3) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	1	
66	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và chính xác hệ thống khi thực hiện định lượng thyroxine tự do (Free T4) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	1	
67	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện định lượng alphafetoprotein (AFP) trong huyết thanh, huyết tương và dịch màng ối. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	1	

1	2	3	4	5	6	7	8
68	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích khi thực hiện định lượng alpha-fetoprotein (AFP) trong huyết thanh, huyết tương và dịch màng ối. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	1	
69	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện xét nghiệm định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (cả PSA dạng tự do và phức hợp PSA với alpha-1-antichymotrypsin) trong huyết thanh người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	1	
70	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định lượng Carcinoembryonic Antigen (CEA) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	1	
71	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện các độ lệch phân tích khi thực hiện xét nghiệm định lượng Kháng nguyên Carcinoembryonic (CEA) trong huyết thanh hay huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	1	
72	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Dùng trong kiểm soát chất lượng để theo dõi độ xác thực và độ chính xác. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	1	
73	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích khi thực hiện xét nghiệm định lượng và định tính, phát hiện kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương người, giúp xác định tình trạng miễn dịch với rubella. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	1	
74	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus Rubella trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	1	
75	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Xét nghiệm miễn dịch hai bước để định lượng kháng nguyên HE4 trong huyết thanh người sử dụng công nghệ CMLA với quy trình xét nghiệm linh hoạt - Bảo quản trên hệ thống tối đa 30 ngày - Khoảng đo dao động từ 20.0 pmol/L đến 1500.0 pmol/L. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	5	
76	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Xét nghiệm miễn dịch hai bước để định lượng kháng nguyên xác định DF3 trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng công nghệ CMLA với quy trình xét nghiệm linh hoạt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	5	
77	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Màng ngăn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	6	
78	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Xét nghiệm miễn dịch hai bước để định lượng kháng nguyên xác định bởi OC 125 trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng công nghệ CMLA với quy trình xét nghiệm linh hoạt. - Độ chính xác $\leq 10\%$ CV toàn phần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	5	
79	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể IgG của kháng thể tự thân với men peroxidase của tuyến giáp (anti-TPO) trong huyết thanh và huyết tương người.. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	5	
80	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	3	
81	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng các mảnh cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	13	
82	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng chất xác định phân ứng 1116-NS-19-9 trong huyết thanh hay huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	12	
83	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Công phần ứng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	19	

I	2	3	4	5	6	7	8
84	Hóa chất xét nghiệm huyết học	Máy xét nghiệm huyết học tự động.	Là vật liệu kiểm soát chất lượng cho xét nghiệm huyết học có dạng máu toàn phần, để theo dõi kết quả xét nghiệm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	22	
85	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện định lượng các phân mảnh cytokerin 19 ở người trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	2	
86	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	-Được sử dụng để ước tính độ chính xác và phát hiện độ lệch phân tích (thuốc thử, mẫu chuẩn và thiết bị), khi thực hiện định lượng các chất quyết định phân ứng 1116-NS-19-9 trong huyết thanh hay huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
87	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng cho hiệu chuẩn khi thực hiện định lượng kháng nguyên HE4 trong huyết thanh người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
88	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện định lượng kháng nguyên HE4 trong huyết thanh người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
89	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện xét nghiệm định lượng các phân mảnh cytokerin 19 ở người trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
90	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Được sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định lượng kháng nguyên xác định DF3 trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
91	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Được sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện định lượng kháng nguyên xác định DF3 trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
92	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định lượng kháng nguyên được xác định bởi OC. 125 trong huyết thanh và huyết tương người.	G7	Hộp	1	
93	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện định lượng kháng nguyên xác định bởi OC125 trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
94	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
95	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Dùng để ước tính độ chính xác và phát hiện độ lệch hệ thống khi thực hiện định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
96	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Đề hiệu chuẩn cho định lượng IgG của tự kháng thể thyroid peroxidase (anti-TPO) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
97	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	Dùng để ước tính độ chính xác và phát hiện sai số khi thực hiện xét nghiệm định lượng lớp kháng thể IgG của tự kháng thể kháng peroxidase tuyến giáp (anti-TPO) trong huyết thanh hay huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
98	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	-Được sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện định lượng pepsinogen I trong huyết thanh và huyết tương người	G7	Hộp	10	
99	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	-Được sử dụng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định lượng pepsinogen I trong huyết thanh và huyết tương người.	G7	Hộp	10	
100	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) để định lượng pepsinogen I trong huyết thanh và huyết tương người	G7	Hộp	10	
101	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	-Mẫu chuẩn để hiệu chuẩn cho hệ thống trong xét nghiệm định lượng pepsinogen II trong huyết thanh và huyết tương người.	G7	Hộp	10	

1	2	3	4	5	6	7	8
102	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Mẫu chứng để ước tính độ chính xác xét nghiệm và phát hiện độ lệch hệ thống trong xét nghiệm định lượng pepsinogen II trong huyết thanh và huyết tương người. - Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) để định lượng pepsinogen II trong huyết thanh và huyết tương người	G7	Hộp	10	
103	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Mẫu chuẩn được sử dụng để hiệu chuẩn hệ thống khí thực hiện định lượng chất phản ứng huyết thanh và huyết tương người	G7	Hộp	10	
104	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động.	- Bộ Cartridge tích hợp các cảm biến đo pH, pCO ₂ , PO ₂ , Hct và thuốc thử hiệu chuẩn dùng để đo khí máu. Hct trong mẫu toàn phần, với các thông số như sau: pH, pCO ₂ , PO ₂ , Hct (Quy cách đóng gói 300 Test/Hộp/Thời hạn sử dụng từ khi mở hộp: 21 ngày). - Thể tích mẫu thử : 135 µL/Test - Thời gian có kết quả : 85 giây - Giá trị các thông số đo như sau : + pH : 6.8 -7.8 + PO ₂ : 0-760 mmHg + pCO ₂ : 5 -115 mmHg + Hct : 15 -65 % - TCCL: ISO 13485, FDA (Hoặc tương đương). ISO 13485:2016	G7	Test	1,800	
105	Hóa chất xét nghiệm khí máu động mạch	Máy xét nghiệm khí máu động mạch 04 thông số (pH, pCO ₂ , PO ₂ , HCT)/Xuất xứ thiết bị: G7.	- Bộ Cartridge tích hợp các cảm biến đo pH, pCO ₂ , PO ₂ , Hct và thuốc thử hiệu chuẩn dùng để đo khí máu. Hct trong mẫu toàn phần, với các thông số như sau: pH, pCO ₂ , PO ₂ , Hct (Quy cách đóng gói 150 Test/Hộp/Thời hạn sử dụng từ khi mở hộp: 21 ngày). - Thể tích mẫu thử : 135 µL/Test - Thời gian có kết quả : 85 giây - Giá trị các thông số đo như sau : + pH : 6.8 -7.8 + PO ₂ : 0-760 mmHg + pCO ₂ : 5 -115 mmHg + Hct : 15 -65 % - TCCL: ISO 13485, FDA (Hoặc tương đương).ISO 13485:2016	G7	Test	1,800	
106	Hóa chất xét nghiệm khí máu động mạch	Máy xét nghiệm khí máu động mạch 04 thông số (pH, pCO ₂ , PO ₂ , HCT)/Xuất xứ thiết bị: G7.	Hóa chất kiểm chuẩn 3 mức, mỗi mức 10 ống, mỗi ống 2ml + Mức 1: giá trị pH mức thấp, pCO ₂ mức cao phù hợp với nhiệm vụ hô hấp; giá trị PO ₂ mức thấp phù hợp với hoạt động phổi bị suy giảm và giá trị điện giải mức cao (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Ca ⁺⁺), giá trị Glucose và Lactate + Mức 2: giá trị pH, pCO ₂ , PO ₂ , Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Ca ⁺⁺ , Glucose và Lactate trong phạm vi tham chiếu đối với các đối tượng bình thường về mặt lâm sàng. + Mức 3: với pH cao, giá trị pCO ₂ thấp phù hợp với nhiệm vụ hô hấp, PO ₂ tăng cao phù hợp với liệu pháp oxy và các giá trị điện giải thấp (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Ca ⁺⁺), Glucose thấp và giá trị Lactate cao (Hoặc tương đương).ISO 13485:2016	G7	Hộp	10	
107	Hóa chất xét nghiệm khí máu động mạch	Hóa chất kiểm chuẩn		G7	Hộp	10	

1	2	3	4	5	6	7	8
108	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Được sử dụng để theo dõi hiệu năng các xét nghiệm nước tiểu. Thành phần: nước tiểu người, amylose nước bọt người, hCG, albumin huyết thanh. Độ ổn định sau mở nắp: Tối hết hạn sử dụng	G7	Hộp	2	
109	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol trong mẫu Huyết thanh, huyết tương (xét nghiệm sử dụng phương pháp Enzymatic); Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người); Chất hiệu chuẩn 1 mức; Giá trị chất hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control)	G7	Hộp	2	
110	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Chất hiệu chuẩn dùng trong xét nghiệm CK-MB trong mẫu Huyết thanh, huyết tương (xét nghiệm sử dụng phương pháp Úc chế miễn dịch); Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme; Chất hiệu chuẩn 1 mức; Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method	G7	Lọ	2	
111	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Chất kiểm chuẩn mức 1 dùng trong xét nghiệm CK-MB trong mẫu Huyết thanh, huyết tương (xét nghiệm sử dụng phương pháp Úc chế miễn dịch); Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.; Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method	G7	Lọ	2	
112	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm CK-MB	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Chất kiểm chuẩn mức 2 dùng trong xét nghiệm CK-MB trong mẫu Huyết thanh, huyết tương (xét nghiệm sử dụng phương pháp Úc chế miễn dịch); Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.; Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method	G7	Lọ	2	
113	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng phosphatase kiềm; Thành phần: 2-Amino-2-Methyl-1-Propanol (AMP) pH 10.4 0,35 mol/L; p-Nitrophenyl phosphate 16 mmol/L; HEDTA 2 mmol/L; Zinc Sulphate 1 mmol/L; Magnesium Acetate 2 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 2,1%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4,2%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test	Châu Âu	Hộp	2	
114	Định lượng Phospho vô cơ	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng photpho vô cơ; Thành phần: Sulphuric acid 200 mmol/L; Ammoniumheptamolybdate 0,35 mmol/L; Glycine 50 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV ≤ 1,41%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,99%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test	Châu Âu	Hộp	2	
115	Đo hoạt độ LDH	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDH; Thành phần: D(-)N-Methylglucamin buffer, pH 9.4 (37°C) 325 mmol/L; Lactate 50 mmol/L; NAD+ 10 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 1,13%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 1,54%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test	Châu Âu	Hộp	2	
116	Định lượng Protein toàn phần	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần; Thành phần: Sodium hydroxide 200 mmol/L; Potassium sodium tartrate 32 mmol/L; Copper sulphate 18.8 mmol/L; Potassium iodide 30 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 0,50%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 0,84%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	Châu Âu	Hộp	2	
117	Định lượng Mg	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng magiê; Thành phần: E-Amino-n Caproic Acid 450 mmol/L; Tris 100 mmol/L; Glycoetherdiamine-N,N,N', N' tetraacetic acid 0.12 mmol/L; Xyliyl blue 0.18 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV ≤ 1,15%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4,96%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	Châu Âu	Hộp	2	

1	2	3	4	5	6	7	8
118	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ammonia	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ammonia mẫu huyết tương người. Dải đo: 13.0 μmol/L - 600 μmol/L, phương pháp đo: GLUTAMATE DEHYDROGENASE. THÀNH PHẦN Thuốc thử A1 (dạng dung dịch): Natri tetraborat 30 mmol/L, chất bảo quản, pH 9.3. Thuốc thử A2 (dạng đông khô): Natri tetraborat 30 mmol/L, NADPH 0.24 mmol/L, sau khi hoàn nguyên. Thuốc thử B (dạng dung dịch): Hepes 400 mmol/L, 2-oxoglutarat 22 mmol/L, glutamat dehydrogenase > 320 U/ml, chất bảo quản, pH 7,0.	Châu Âu	Hộp	2	
119	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Chất hiệu chuẩn trong các xét nghiệm sinh hoá lâm sàng Thành phần: huyết thanh người	G7	Lọ	2	
120	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa mức 2	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Đề kiểm soát độ chính xác của xét nghiệm. Thành phần: huyết thanh người Độ ổn định sau mở nắp: 28 ngày khi bảo quản đông lạnh một lần ở -20°C	G7	Lọ	2	
121	Hóa chất dùng cho xét nghiệm D-3-Hydroxybutyrate	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Đề định lượng D3 Hydroxybutyrate trong huyết thanh và huyết tương. Thành phần: đêm, Enzyme/Coenzyme, chất chuẩn Dải đo: 0.1 - 3.2 mmol/l	G7	Lọ	2	
122	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa mức 3	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Đề kiểm soát độ chính xác của xét nghiệm. Thành phần: huyết thanh người Giá trị được gán theo tiêu chuẩn tham chiếu quốc tế	G7	Lọ	2	
123	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu thường quy	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa nước tiểu thường quy. Thành phần: Nước tiểu người chứa Amylase, Canxi, Glucose, Phospho vô cơ, Ure, Axít Uric, Creatinine, Magie; Các giá trị hiệu chuẩn được xác định sử dụng các quy trình đã được chuẩn hóa	Châu Âu	Hộp	2	
124	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hoà chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch. Thành phần: huyết thanh người, α-1 acidglycoprotein, Ferritin, α-1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O, Immunoglobulin A, β-2 microglobulin, Immunoglobulin G, Ceruloplasmin, Immunoglobulin M, Complement 3, Preactumin, Complement 4, Rheumatoid Factor, C-reactive protein, Transferrin. Chất kiểm chứng 1 mức	G7	Lọ	2	
125	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hoà chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường trong mẫu Huyết thanh, huyết tương (xét nghiệm sử dụng phương pháp Miễn dịch đo độ đục); Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người; Chất hiệu chuẩn gồm mức 2 đến mức 6; Các giá trị được gán theo tiêu chuẩn IFCC bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục	G7	Hộp	2	
126	Định lượng Protein	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần trong nước tiểu và CSF; Thành phần: R1: Pyrogallol 47 μmol/L; Natri Molybdate 320 μmol/L; Axít succinic 50 mmol/L; Natri Benzoat 3.5 mmol/L; Natri Oxalate 1 mmol/L; Methanol 0.8% w/v; Chất hiệu chuẩn: Albumin huyết thanh người 0.5 g/L; Loại mẫu: Nước tiểu, dịch não tủy; Độ lặp lại: CV ≤ 1.7%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4.8%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	Châu Âu	Hộp	2	

1	2	3	4	5	6	7	8
127	Định lượng Protein toàn phần	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần; Thành phần: Sodium hydroxide 200 mmol/L; Potassium sodium tartrate 32 mmol/L; Copper sulphate 18,8 mmol/L; Potassium iodide 30 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 0,50%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 0,84%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	Châu Âu	Hộp	2	
128	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB; Thành phần: Dung dịch đệm imidazole (pH 6,7) 100 mmol/L; Diadenosine-pentaphosphate 0,01 mmol/L; Hexokinase (HK) ≥ 4 kU/L; EDTA 2 mmol/L; NADP 2 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; G6P-DH ≥ 2,8 kU/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; ADP 2 mmol/L; N-Acetylcysteine 0,2 mmol/L; Mg-Acetate 10 mmol/L; Chất hoạt hóa 26 mmol/L; AMP 5 mmol/L; Kháng thể kháng tiêu đơn vị CK-M; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 4,03%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5,05%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	Châu Âu	Hộp	2	
129	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 1	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa Immunoglobulin G, Immunoglobulin A, Immunoglobulin M, Transferrin, C3, C4, Anti-Streptolysin O, Ferritin, C-reactive protein; Chất hiệu chuẩn 6 mức; - Các giá trị hiệu chuẩn được gán sử dụng các nguyên liệu tham chiếu theo tiêu chuẩn IFCC (IgG, IgA, IgM, C3, C4, Transferrin, CRP), WHO (ASO) và tiêu chuẩn quốc tế lần thứ 3 cho ferritin	G7	Hộp	2	
130	Định lượng Ferritin	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng Ferritin; Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"); Dải đo: 0,2-1.500 ng/mL; Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, các phức hợp kháng thể đơn dòng của chuột kháng ferritin	G7	Hộp	2	
131	Định lượng Albumin trong nước tiểu và dịch não tủy	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng để định lượng nồng độ Albumin trong nước tiểu/dịch não tủy; Thành phần: Đệm Phosphat 18 mmol/L; Kháng thể dê kháng Albumin người; Polyethylene glycol 8000 3,6%; Sodium azit < 0,1% (w/w); Loại mẫu: Nước tiểu, dịch não tủy; Độ lặp lại: CV ≤ 5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 10%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 3 test	G7	Hộp	2	
132	Chất hiệu chuẩn albumin trong nước tiểu/dịch não tủy	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Albumin trong nước tiểu/CSF trong mẫu Nước tiểu, dịch não tủy (xét nghiệm sử dụng phương pháp Đo độ đục miễn dịch); Thành phần: Albumin người và Natri azit < 0,1 % (w/w); Chất hiệu chuẩn 5 mức; Các giá trị hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo các nguyên liệu tham chiếu đã được chứng nhận IFCC (International Federation of Clinical Chemistry)	G7	Hộp	2	
133	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP có độ nhạy cao	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP độ nhạy cao trong mẫu Huyết thanh, huyết tương (xét nghiệm sử dụng phương pháp Miễn dịch đo độ đục); Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người; Chất hiệu chuẩn gồm mức 2 đến mức 6; Các giá trị được gán theo tiêu chuẩn IFCC bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục	G7	Hộp	2	
134	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm RF	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm RF; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng chứa RF người; Chất hiệu chuẩn 5 mức; Các giá trị của chất hiệu chuẩn được gán sử dụng các nguyên liệu tham chiếu theo tiêu chuẩn quốc tế WHO	G7	Hộp	2	

1	2	3	4	5	6	7	8
135	Chất chuẩn huyết thanh mức cao cho xét nghiệm điện giải	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải), Xuất xứ thiết bị: G7	Chất hiệu chuẩn mức cao sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ natri (Na ⁺), kali (K ⁺) và clorua (Cl ⁻) trong huyết thanh, huyết tương; Thành phần: Na ⁺ 160 mmol/L; K ⁺ 6 mmol/L; Cl ⁻ 120 mmol/L	Châu Âu	Hộp		2
136	Chất chuẩn huyết thanh mức thấp cho xét nghiệm điện giải	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải), Xuất xứ thiết bị: G7	Chất hiệu chuẩn mức thấp được sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ natri (Na ⁺), kali (K ⁺) và clorua (Cl ⁻) trong huyết thanh, huyết tương; Thành phần: Na ⁺ 130 mmol/L; K ⁺ 3,5 mmol/L; Cl ⁻ 85 mmol/L	Châu Âu	Hộp		2
137	Định lượng Albumin trong huyết thanh và huyết tương	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải), Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng albumin; Thành phần: Succinate buffer (pH 4.2) 100 mmol/L; Bromocresol green 0.2 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 0,58%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 0,99%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 17 test	Châu Âu	Hộp		2
138	Định lượng Sắt	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải), Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng sắt; Thành phần: Glycine buffer (pH 1.7) 215 mmol/L; L-ascorbic acid 4.7 mmol/L; 2,4,6-Tri(2-pyridyl)-5-triazine 0.5 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 1,1%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	Châu Âu	Hộp		2
139	Định lượng Calci toàn phần	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải), Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng canxi toàn phần; Thành phần: Imidazol (pH 6,9); Arsenazo III 0,02%; Triton X-100; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV ≤ 2,05%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,6%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 33 test	Châu Âu	Hộp		4
140	Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải), Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ Na ⁺ , K ⁺ và Cl ⁻ ; Thành phần: Kali clorua 1 mol/L	Châu Âu	Hộp		4
141	Định lượng Acid Uric	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải), Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng axit uric; Thành phần: Phosphate Buffer (pH 7.5) 42 mmol/L; MADB 0.15 mmol/L; 4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Peroxidase ≥ 5.9 KU/L (98 µkat/L); Uricase ≥ 0.25 KU/L (4.15 µkat/L); Ascorbate Oxidase ≥ 1.56 KU/L (26 µkat/L); Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV ≤ 1,76%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,44%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 11 test	Châu Âu	Hộp		4
142	Định lượng Bilirubin toàn phần	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải), Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần; Thành phần: Caffeine 2,1 mmol/L; 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.31 mmol/L; Surfactant; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 1,03%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,59%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test	Châu Âu	Hộp		4
143	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải), Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2.. Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat	Châu Âu	Hộp		4
144	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải), Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2.. Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat	Châu Âu	Hộp		4

1	2	3	4	5	6	7	8
145	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Được sử dụng để kiểm soát hiệu năng của xét nghiệm định lượng glycated Hemoglobin Thành phần: Máu toàn phần Dạng đóng gói: Đóng khô hoặc tương đương; Độ ổn định sau hoàn nguyên (chưa pha loãng): ổn định trong vòng 90 ngày khi được bảo quản ở $\leq -20^{\circ}\text{C}$ hoặc tương đương.	Châu Đại Dương	Hộp	5	8
146	Dung dịch rửa	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Dung dịch rửa; Thành phần: Sodium Hypochlorite 5 - 10%; Chất vệ sinh cô đặc	Châu Âu	Bình	5	
147	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol; Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; Peroxidase 4,9 IU/mL; Natri azit 0,1%; Dung dịch đệm của Good (pH 6,8) 25 mmol/L; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L; Catalase 743 IU/mL; HDAOS 0,47 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 2,26\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 2,71\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test	G7	Hộp	5	
148	Định lượng Bilirubin trực tiếp	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp; Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 7,5\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test	Châu Âu	Hộp	5	
149	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm định lượng Ammonia, Ethanol và CO2. Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: đệm amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: đệm amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat	Châu Âu	Hộp	5	
150	Đo hoạt độ Amylase	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng α -amylase; Thành phần: MES (pH 6.05) 36.1 mmol/L; Calcium acetate 3.60 mmol/L; NaCl 37.2 mmol/L; Potassium thiocyanate 253 mmol/L; CNPG3 1.63 mmol/L.; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 1,58\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 4,64\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	Châu Âu	Hộp	6	
151	Định lượng Cholesterol toàn phần	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol; Thành phần: Dung dịch đệm photphat (pH 6,5) 103 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 $\mu\text{kat/L}$); Cholesterol oxidase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 $\mu\text{kat/L}$); Peroxidase ≥ 10 kU/L (166,7 $\mu\text{kat/L}$); Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 0,7\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 0,8\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 22 test	Châu Âu	Hộp	8	
152	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol; Thành phần: Kháng thể kháng β -lipoprotein ở người; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL; Dung dịch đệm Good's (pH 7) 30 mmol/L; N-Ethyl - N - (2-hydroxy-3-sulfolpropyl) - 3,5- dimethoxy - 4 fluoroaniline (F-DAOS) 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 0,85\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 1,92\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test	G7	Hộp	8	

1	2	3	4	5	6	7	8
153	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c; Thành phần: Tetradeoxytrimethylammonium bromid 9000 g/L	G7	Hộp	9	
154	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol trong mẫu Huyết thanh, huyết tương (xét nghiệm sử dụng phương pháp Enzymatic); Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người); Chất hiệu chuẩn 1 mức; Giá trị chất hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control)	G7	Hộp	9	
155	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase)	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng GGT; Thành phần: Glycylglycine, PH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 1,63%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,4%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	Châu Âu	Hộp	9	
156	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ASO	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng kháng thể ASO; Thành phần: Phosphate buffer (pH 7.0) 40 mmol/L; Streptolysin-O coated latex <0.2% w/v; Loại mẫu: Huyết thanh; Độ lặp lại: CV ≤ 1,65%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,63%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test	Châu Âu	Hộp	9	
157	Định lượng CRP	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP; Thành phần: Tris buffer (pH 7.5) 80 mmol/L; Sodium chloride 125 mmol/L; Polyethylene glycol 6000 1.5% w/v; Kháng thể dê kháng CRP ≈ 0,6 g/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 2,81%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5,99%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	G7	Hộp	10	
158	Dung dịch đệm ISE	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Dung dịch đệm sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ Na ⁺ , K ⁺ và Cl ⁻ ; Thành phần: Triethanolamine 0,1 mol/L	Châu Âu	Hộp	11	
159	Định lượng RF (Rheumatoid Factor)	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng RF; Thành phần: Glycine buffer (pH 8.0) 170 mmol/L; Latex phủ IgG người < 0,5%; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 4,63%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 7,89%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	G7	Hộp	12	
160	Định lượng Acid Uric	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng axit uric; Thành phần: Phosphate Buffer (pH 7.5) 42 mmol/L; MADB 0,15 mmol/L; 4-Aminophenazone 0,30 mmol/L; Peroxidase ≥ 5,9 kU/L (98 μkat/L); Uricase ≥ 0,25 kU/L (4,15 μkat/L); Ascorbate Oxidase ≥ 1,56 kU/L (26 μkat/L); Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV ≤ 1,76%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,44%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 11 test	Châu Âu	Hộp	12	
161	Chất chuẩn điện giải mức giữa	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Chất hiệu chuẩn mức trung bình sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ Na ⁺ , K ⁺ và Cl ⁻ ; Thành phần: Na ⁺ 4,3 mmol/L; K ⁺ 0,13 mmol/L; Cl ⁻ 3,1 mmol/L	Châu Âu	Hộp	13	
162	Định lượng Ure	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ure; Thành phần: Tris buffer 100 mmol/L; NADH ≥ 0,26 mmol/L; Tetra-Sodium diphosphate 10 mmol/L; EDTA 2,65 mmol/L; 2-Oxoglutarate ≥ 9,8 mmol/L; Urease ≥ 17,76 kU/L; ADP ≥ 2,6 mmol/L; GLDH ≥ 0,16 kU/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV ≤ 2,28%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 3,41%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	Châu Âu	Hộp	16	

1	2	3	4	5	6	7	8
163	Định lượng Triglycerid	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride; Thành phần: PIPES buffer (pH 7.5) 50 mmol/L; Mg2+ 4.6 mmol/L; MADB 0.25 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; ATP 1.4 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L (25 µkat/L); Glycerol kinase 0.5 kU/L (8.3 µkat/L); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 µkat/L); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L (24.6 µkat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 µkat/L); Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 1,06%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 1,76%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test	Châu Âu	Hộp	17	
164	Định lượng Glucose	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Thành phần: Dung dịch đệm PIPES (pH 7,6) 24 mmol/L; ATP ≥ 2 mmol/L; NAD+ ≥ 1,32 mmol/L; Mg2+ 2,37 mmol/L; Hexokinase ≥ 0,59 kU/L; G6P-DH ≥ 1,58 kU/L ; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, mẫu ly giải và dịch não tủy; Độ lặp lại: CV ≤ 2,3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4,15%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 13 test	Châu Âu	Hộp	18	
165	Đo hoạt độ AST (GOT)	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST; Thành phần: Tris buffer, pH 7,65 (37°C) 80mmol/L; L-aspartate 240mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH ≥ 0,9kU/L; MDH ≥ 0,6kU/L; NADH 0,2mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 1,9%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,9%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test	Châu Âu	Hộp	24	
166	Định lượng Creatinin	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine; Thành phần: Đệm Good 50 mmol/L, Creatinase 56,3 IU/mL; Sarcosine oxidase 15 IU/mL; HMMPS 0,68 mmol/L; Creatininase 100 IU/mL; Peroxidase 12,5 U/mL, 4-Aminoantipyrine 1,53 mmol/L.; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV ≤ 1,6%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,3%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	Châu Âu	Hộp	24	
167	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa α-1 acidglycoprotein; Ferritin; α-1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β-2 microglobulin; Immunoglobulin A; Immunoglobulin M; Immunoglobulin G; Ceruloplasmin; C3; Prealbumin; C4; Rheumatoid Factor; C-reactive protein; Transferrin;	G7	Lọ	23	
168	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: huyết thanh người, α-1 acidglycoprotein, Ferritin, α-1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O, Immunoglobulin A, β-2 microglobulin, Immunoglobulin G, Ceruloplasmin, Immunoglobulin M, Complement 3, Prealbumin, Complement 4, Rheumatoid Factor, C-reactive protein, Transferrin; Chất kiểm chứng 1 mức	G7	Lọ	23	
169	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT; Thành phần: Tris buffer pH 7,15 (37°C) 100mmol/L; L-Alanine 500mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH ≥ 1,8kU/L; NADH 0,2mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 2,1%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 2,7%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	Châu Âu	Hộp	23	
170	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol trong mẫu Huyết thanh, huyết tương (xét nghiệm sử dụng phương pháp enzymatic); Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người); Chất kiểm chứng 2 mức; Các giá trị có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL và LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control)	Châu Âu	Lọ	25	
171	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. Chất vệ sinh có đặc	Châu Âu	Can	27	

1	2	3	4	5	6	7	8
172	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy; Thành phần: Huyết thanh người, các enzym từ người, động vật và thực vật: Alkaline Phosphatase, ALT, AST, Amylase, Cholinesterase, CK-NAC, GGT, HBDH, LDH, Albumin, Creatinine, Cholesterol, Glucose, Lactate, Lipase, Total Protein, Triglyceride, UIBC, Urea, Uric Acid, Bilirubin, Inorganic Phosphorous, Calcium, Iron, Magnesium	G7	Lọ	27	
173	Định lượng HbA1c	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c; Thành phần: + Chất hiệu chuẩn HbA1c; ; Hemolysate (người và cừu);: 0,9% tetradecyltrimethylammonium bromide;; + Thuốc thử HbA1c R1 Antibody: Kháng thể kháng HbA1c ở người (cừu) $\geq 0,5$ mg/mL; đệm MES 0,025 mol/L, đệm TRIS 0,015 mol/L; + Thuốc thử HbA1c R2 Polyanter: HbA1c Polyanter ≥ 8 μ g/mL; đệm MES 0,025 mol/L, đệm TRIS 0,015 mol/L; + Hemoglobin toàn phần R1: Dung dịch đệm photphat, pH 7,4; 0,02 mol/L; Loại mẫu: Mẫu toàn phần; Độ lặp lại: CV $\leq 4\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 4\%$; Số lượng test tối thiểu/1 ml: 2 test	G7	Hộp	28	
174	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ethanol mẫu huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Dài đo: 2.40 mg/dL - 300 mg/dL, phương pháp đo: ALCOHOL DEHYDROGENASE.THÀNH PHẦN Thuốc thử A (20 mL): Đệm PIPES 100 mmol/L, chất bảo quản, pH 7,9; Thuốc thử B (7 mL): Đệm PIPES 50 mmol/L, NAD 15 mmol/L, alcohol dehydrogenase (ADH) > 18 KU/L, chất bảo quản, pH 6.2.	Châu Âu	Hộp	32	
175	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, HBDH, LDH; Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein; UIBC, Urea & Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1; Chất kiểm chứng 1 mức	G7	Lọ	32	
176	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, HBDH, LDH, Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein, UIBC, Urea, Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1; Chất kiểm chứng 1 mức	G7	Lọ	32	
177	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol; Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; Peroxidase 4,9 IU/mL; Natri azit 0,1%; Dung dịch đệm của Good (pH 6,8) 25 mmol/L; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L; Catalase 743 IU/mL; HDAOS 0,47 mmol/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV $\leq 2,26\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 2,71\%$; Số lượng test tối thiểu/1 ml: 4 test	G7	Hộp	32	
178	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Máy phân tích sinh hóa (tích hợp khối điện giải). Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ethanol mẫu huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Dài đo: 2.40 mg/dL - 300 mg/dL, phương pháp đo: ALCOHOL DEHYDROGENASE.THÀNH PHẦN Thuốc thử A (20 mL): Đệm PIPES 100 mmol/L, chất bảo quản, pH 7,9; Thuốc thử B (7 mL): Đệm PIPES 50 mmol/L, NAD 15 mmol/L, alcohol dehydrogenase (ADH) > 18 KU/L, chất bảo quản, pH 6.2.	Châu Âu	Hộp	45	

1	2	3	4	5	6	7	8
179	Định lượng CEA	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng CEA; Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"); Dải đo: 0,1-1.000 ng/mL; Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, kháng thể kháng CEA MAB ở chuột	G7	Hộp	6	8
180	Chất chuẩn CEA	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CEA; Thành phần chính: Protein (bò), natri azit, ProClin, CEA ở các mức nồng độ khác nhau	G7	Hộp	3	
181	Định lượng AFP	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng AFP; Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"); Dải đo: 0,5-3.000 ng/mL [0,41-2.478 IU/mL]; Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, kháng thể kháng AFP đơn dòng ở chuột	G7	Hộp	12	
182	Chất chuẩn AFP	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng AFP; Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin, AFP ở các mức nồng độ khác nhau	G7	Hộp	3	
183	Định lượng Unconjugated Estriol	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng estriol tự do; Phương pháp: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh; Dải đo: 0,017-6,9 ng/mL [0,059-24 nmol/L]; Thành phần chính: albumin huyết thanh bò, natri azit, Cosmocil CQ, Kháng thể kháng estriol ở thỏ	G7	Hộp	3	
184	Chất chuẩn Unconjugated Estriol	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng estriol tự do; Thành phần chính: huyết thanh người, NaN ₃ , Cosmocil CQ, estriol không cộng hợp ở các mức nồng độ khác nhau	G7	Hộp	2	
185	Định lượng Free T4	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng T4 tự do; Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước; Dải đo: 0,25-6 ng/dL [3,2-77,2 pmol/L]; Thành phần chính: dung dịch đệm TRIS, NaN ₃ , ProClin, Kháng thể kháng Thyroxine (T4) đơn dòng ở chuột	G7	Hộp	17	
186	Chất chuẩn Free T4	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T4 tự do; Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azit, ProClin, Thyroxine ở các mức nồng độ khác nhau	G7	Hộp	6	
187	Định lượng CA 125	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng CA 125; Dải đo: 0,5 U/mL - 5.000 U/mL; Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"); Thành phần: Biotin kháng nguyên kháng CA125, Albumin huyết thanh bò, ProClin, Natri azit	G7	Hộp	2	
188	Chất chuẩn CA 125	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 125; Thành phần: Albumin huyết thanh bò, ProClin, Natri azit, Kháng nguyên CA 125 ở các nồng độ khác nhau	G7	Hộp	2	
189	Định lượng CA 15-3	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng CA 15-3; Dải đo: 0,5-1.000 U/mL; Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"); Thành phần: kháng nguyên kháng CA 15-3, Albumin huyết thanh bò, Natri azit, ProClin	G7	Hộp	2	
190	Chất chuẩn CA 15-3	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 15-3; Thành phần: Natri Azit, ProClin, Albumin huyết thanh bò, Kháng nguyên CA 15-3 ở các nồng độ khác nhau	G7	Hộp	2	
191	Định lượng CA 19-9	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng CA 19-9; Dải đo: 0,8-2.000 U/mL; Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"); Thành phần: Natri Azit, ProClin, Albumin huyết thanh bò, kháng nguyên kháng CA 19-9, Protein bò, protein dê, Protein chuột	G7	Hộp	5	
192	Chất chuẩn CA 19-9	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 19-9; Thành phần: Natri Azit, ProClin, Albumin huyết thanh bò, kháng nguyên CA 19-9 ở các nồng độ khác nhau	G7	Hộp	3	

1	2	3	4	5	6	7	8
193	Cơ chất phát quang	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Cơ chất phát quang; Thành phần: dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang, chất hoạt tính bề mặt	G7	Hộp	15	
194	Định lượng TPO Ab	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng TPOAb; Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước ("sandwich"); Dài đo: 0,25-1.000 IU/ml; Thành phần chính: Các hạt thuận từ liên kết TPO tái tổ hợp, dung dịch đệm ACES, natri azit, ProClin	G7	Hộp	2	
195	Định lượng Free T3	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng T3 tự do; Phương pháp: miễn dịch enzym; Dài đo: 0,88-30 pg/mL [1,4-46 pmol/L]; Thành phần chính: Analog T3, dung dịch đệm TRIS, NaN ₃ , ProClin	G7	Hộp	15	
196	Chất chuẩn Free T3	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng T3 tự do; Thành phần chính: NaN ₃ , ProClin, T3 ở các mức nồng độ khác nhau	G7	Hộp	6	
197	Chất chuẩn TPO Antibody	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng TPOAb; Thành phần chính: natri azit, ProClin, Huyết thanh miễn dịch TPO ở các mức nồng độ khác nhau	G7	Hộp	2	
198	Phát hiện HBS Ag	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất phát hiện HBS Ag; Phương pháp: miễn dịch enzym một bước ("sandwich"); Thành phần chính: Kháng thể đặc hiệu HBS Ag đơn dòng, BSA, natri azit, ProClin	G7	Hộp	24	
199	Chất chuẩn HBS Ag	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm phát hiện HBS Ag; Thành phần chính: Chất hiệu chuẩn âm tính: BSA đậm, NaN ₃ , ProClin. Chất hiệu chuẩn dương tính: BSA đậm, kháng nguyên HBS, NaN ₃ , ProClin	G7	Hộp	12	
200	Chất kiểm tra xét nghiệm HBS Ag	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất kiểm tra của xét nghiệm phát hiện HBS Ag; Thành phần chính: HBS Ag âm tính/ dương tính, NaN ₃ , ProClin	G7	Hộp	12	
201	Định lượng PAPP-A	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng PAPP-A; Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"); Dài đo: 1-5.000 ng/ml; Thành phần chính: kháng thể kháng PAPP-A đơn dòng, BSA, natri azit, ProClin	G7	Hộp	3	
202	Chất chuẩn PAPP-A	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng PAPP-A; Thành phần chính: đệm BSA, natri azit, ProClin, PAPP-A gốc ở các mức nồng độ khác nhau	G7	Hộp	2	
203	Bản định lượng HIV (Ag/Ab)	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	- Phương pháp xét nghiệm dựa trên nguyên tắc hai lớp kháng thể (Sandwich) Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ được phủ protein HIV-1 tái tổ hợp, polypeptide HIV-1/O, HIV-2 và kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên HIV-1 p24, HIV-2 p26, 1 ^o limg trong nước muối sinh lý đệm TRIS. Chất bảo quản: natri azide (0,1%) và ProClin 300 (0,25%); R1b: Chất phụ gia công hợp chứa nước muối sinh lý đệm TRIS. Chất bảo quản: natri azide (0,1%) và ProClin 300 (0,25%); R1c: Các chất công hợp gồm nước muối sinh lý đệm TRIS chứa các polypeptide HIV-1, HIV-1/O, HIV-2 và streptavidin công hợp với phosphatase kiềm. Chất bảo quản: natri azide (0,1%) và ProClin 300 (0,25%); R1d: Các chất công hợp gồm nước muối sinh lý đệm TRIS chứa các peptide đặc hiệu HIV-1/O/HIV-2 liên kết biotin và chứa các kháng thể đơn dòng liên kết biotin kháng HIV-1 p24 và HIV-2 p26. Chất bảo quản: natri azide (0,1%) và ProClin 300 (0,25%); ISO 13585, CE	G7	Hộp	15	

1	2	3	4	5	6	7	8
204	Chất chuẩn HIV Combo V2	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	- Thành phần: C0: Chất Hiệu Chuẩn Âm Tính gồm chất nền tổng hợp không chứa kháng nguyên HIV-1, HIV-2 và kháng thể kháng HIV-1/HIV-1/O/ HIV-2. Chất bảo quản: natri azide (0,1%) và ProClin 300 (0,25%); C1: Chất Hiệu Chuẩn Dương Tính gồm huyết thanh người dương tính với kháng thể anti-HIV-1 (bất hoạt bằng nhiệt), âm tính với kháng nguyên HBs, kháng nguyên HIV, kháng thể anti-HIV-2 và anti-HCV trong dung dịch pha loãng tổng hợp. Chất bảo quản: natri azide (0,1%) và ProClin 300 (0,25%)..ISO 13585, CE	G7	Hộp	3	
205	Chất kiểm tra xét nghiệm HIV combo V2	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	- Thành phần: QC1: QC âm tính chứa dung dịch pha loãng tổng hợp không chứa kháng nguyên HIV-1, HIV-2 và kháng thể anti-HIV-1/HIV-1/O/HIV-2. Chất bảo quản: natri azide (0,1%) và ProClin 300 (0,25%); QC2: QC dương tính với anti-HIV-1 chứa huyết thanh người dương tính với kháng thể anti-HIV-1 (bất hoạt bằng nhiệt), âm tính với kháng nguyên HBs, kháng nguyên HIV, kháng thể anti-HIV-2 và anti-HCV trong dung dịch pha loãng tổng hợp. Chất bảo quản: natri azide (0,1%) và ProClin 300 (0,25%); QC3: QC dương tính với HIV-1 Ag chứa kháng nguyên HIV-1 tinh sạch (bất hoạt về mặt hóa học) trong dung dịch pha loãng tổng hợp. Chất bảo quản: natri azide (0,1%) và ProClin 300 (0,25%)..ISO 13585, CE	G7	Hộp	3	
206	Định lượng total β hCG	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng β hCG toàn phần;Phương pháp: miễn dịch enzym hai bước ("sandwich");Dải đo: 0,6–1350 mIU/mL;Thành phần chính: phức hợp kháng β hCG đơn dòng, albumin huyết thanh bò (BSA),natri azit, ProClin	G7	Hộp	5	
207	Chất chuẩn Total β hCG (5th IS)	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng β hCG toàn phần;Thành phần chính: Chất nền đậm albumin huyết thanh bò (BSA) có chất hoạt tính bề mặt, natri azit, ProClin	G7	Hộp	3	
208	Định lượng AMH	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng AMH;Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich");Dải đo: 0,02–24 ng/mL [0,14–171 pmol/L];Thành phần chính: Kháng thể kháng AMH đơn dòng trong dung dịch đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, protein (bò), natri azit, ProClin.	Châu Âu	Hộp	3	
209	Chất chuẩn AMH	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng AMH;Thành phần chính: Dung dịch đệm HEPES BSA có ProClin và chất bảo quản	G7	Hộp	2	
210	Chất kiểm tra xét nghiệm AMH	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất kiểm tra của xét nghiệm định lượng AMH;Thành phần chính: AMH tái tổ hợp người, chất nền huyết tương người đã xử lý, ProClin.	G7	Hộp	2	
211	Định tính HCV Ab	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định tính HCV Ab;Phương pháp: miễn dịch enzym gián tiếp;Thành phần chính: dung dịch đệm TRIS, natri azit, ProClin;	G7	Hộp	9	
212	Chất chuẩn HCV Ab	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn xét nghiệm định tính HCV Ab;Thành phần chính: - Chất hiệu chuẩn âm tính: huyết thanh người không phản ứng dành cho kháng thể kháng HCV, sodium azit.;- Chất hiệu chuẩn dương tính: huyết thanh người phản ứng dành cho kháng thể kháng HCV, sodium azit.	G7	Hộp	3	
213	Chất kiểm tra xét nghiệm HCV Ab V3	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất kiểm tra xét nghiệm định tính HCV Ab;Thành phần chính: - QC âm tính: huyết thanh người, natri azit, không phản ứng với kháng thể kháng HCV;- QC dương tính: huyết thanh người, natri azit, phản ứng với kháng thể kháng HCV	G7	Hộp	3	

1	2	3	4	5	6	7	8
214	Định lượng hsTnI	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng cTnI :Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich");Dài đo: 2.3 - 27.027pg/mL;Thành phần chính: kháng thể đơn dòng ở chuột kháng cTnI của người được tạo huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit và ProClin 300.	G7	Hộp	12	
215	Chất chuẩn hsTnI	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng cTnI siêu nhạy;Thành phần chính: Chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) với chất hoạt động bề mặt Natri azua, và ProClin	G7	Hộp	6	
216	Định lượng TSH (3rd IS)	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng TSH;Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich");Dài đo: 0,005–50 µIU/mL;Thành phần chính: kháng thể kháng TSH ở người đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit và ProClin.	G7	Hộp	9	
217	Chất chuẩn TSH (3rd IS)	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng TSH;Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azit, ProClin	G7	Hộp	4	
218	Giếng phản ứng dùng cho máy Access 2	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL.ISO 13585, CE	G7	Hộp	25	
219	Chất kiểm chứng hằng thứ 3 cho các xét nghiệm miễn dịch Sàng lọc trước sinh mức 1	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Kiểm chứng cho các xét nghiệm AFP, Free Beta hCG, Free Estriol, hCG, Inhibin A và PAPP-A.ISO 13585, CE	G7	Hộp	3	
220	Chất kiểm chứng hằng thứ 3 cho các xét nghiệm miễn dịch Sàng lọc trước sinh mức 2	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Kiểm chứng cho các xét nghiệm AFP, Free Beta hCG, Free Estriol, hCG, Inhibin A và PAPP-A.ISO 13585, CE	G7	Hộp	3	
221	Chất kiểm chứng hằng thứ 3 cho các xét nghiệm miễn dịch Sang lọc trước sinh mức 3	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Kiểm chứng cho các xét nghiệm AFP, Free Beta hCG, Free Estriol, hCG, Inhibin A và PAPP-A.ISO 13585, CE	G7	Hộp	3	
222	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tìm mạch mức 1,2,3	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tìm mạch mức 1,2,3	G7	Hộp	3	

1	2	3	4	5	6	7	8
223	<p>Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ số khối u và TgAb, TPO Ab)</p>	<p>Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7</p>	<p>Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ số khối u và TgAb, TPO Ab)</p>	G7	Lọ	3	
224	<p>Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ số khối u và TgAb, TPO Ab)</p>	<p>Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7</p>	<p>Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ số khối u và TgAb, TPO Ab)</p>	G7	Lọ	3	
225	<p>Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ số khối u và TgAb, TPO Ab)</p>	<p>Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7</p>	<p>Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ số khối u và TgAb, TPO Ab)</p>	G7	Lọ	3	
226	<p>Hóa chất nội kiểm miễn dịch cao cấp 3 mức IA PREMIUM PLUS 1,2 AND 3</p>	<p>Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7</p>	<p>Dạng đồng khô tăng độ ổn định, 100% Huyết thanh người, chứa 54 thông số. Bao gồm cả β-2 - Microglobulin, CA15-3, CA19-9, CA125, Growth Hormone (GH), Oestradiol, Paracetamol, 1-25-(OH)2 - Vitamin D*... Ổn định đến hạn tại 2-8°C. Mức Ferritin và Vitamin B12 phù hợp để theo dõi bệnh thiếu máu. Nồng độ TSH rất thấp ở mức 1. Ổn định sau hoàn nguyên trong 7 ngày ở 2-8°C hoặc 28 ngày tại -20°C..ISO 13585, CE</p>	G7	Hộp	3	
227	<p>Định lượng total PSA</p>	<p>Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7</p>	<p>Hóa chất định lượng PSA toàn phần;Dải đo: 0,008-150 ng/mL (hiệu chuẩn Hybritech) hoặc 0,008-121 ng/mL (hiệu chuẩn WHO);Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich");Thành phần: Dung dịch muối đệm TRIS, Natri Azit, BSA, ProClin, Liên hợp photphataza kiểm soát PSA đơn dòng</p>	G7	Hộp	4	
228	<p>Chất chuẩn Hybritech PSA</p>	<p>Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7</p>	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng PSA toàn phần;Thành phần: Albumin huyết thanh bò, Natri Azit, ProClin, PSA trong huyết thanh ở mức khác nhau</p>	G7	Hộp	2	
229	<p>Định lượng HBs Ab</p>	<p>Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7</p>	<p>Hóa chất định lượng HBs Ab;Phương pháp: miễn dịch enzym một bước ("sandwich");Dải đo: 0-750 mIU/mL;Thành phần chính: Kháng nguyên bề mặt vi-rút viêm gan B — photphataza kiểm soát, BSA, natri azit, ProClin</p>	G7	Hộp	9	
230	<p>Chất chuẩn HBs Ab</p>	<p>Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7</p>	<p>Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng HBs Ab;Thành phần chính: natri azit, ProClin, Huyết tương đã khử xơ/huyết thanh người có kháng thể kháng HBs ở các mức nồng độ khác nhau</p>	G7	Hộp	3	

1	2	3	4	5	6	7	8
231	Chất kiểm tra xét nghiệm HBS Ab	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất kiểm tra của xét nghiệm định lượng HBS Ab; Thành phần chính: natri azit, ProClin, Âm tính (không phản ứng)/Dương tính (phản ứng) với kháng thể kháng HBS	G7	Hộp	3	
232	Định lượng BNP	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng BNP; Dải đo: 1 - 5000 pg/mL; Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"); Thành phần: Albumin huyết thanh bò, ProClin, natri azit, Các hạt thuận từ phủ kháng thể BNP kháng người tất cả các dòng ở chuỗi; Công hợp bò phosphorylaza kiểm chứa kháng thể BNP kháng người đơn dòng ở chuỗi	G7	Hộp	2	
233	Chất kiểm tra xét nghiệm BNP	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất kiểm tra của xét nghiệm định lượng BNP; Thành phần: Tái tổ hợp phức hợp BNP ở các nồng độ khác nhau, BSA, natri azit, ProClin	G7	Hộp	1	
234	Chất chuẩn BNP	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng BNP; Thành phần: Phức hợp BNP người tái tổ hợp ở các mức nồng độ khác nhau, BSA, natri azit, ProClin	G7	Hộp	1	
235	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AMH	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Phương pháp: Enzyme một bước đồng thời (Kiểu "sandwich") Thành phần: R1a: 3,22 ml Các hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng kháng AMH, đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, protein (bò), < 0,1% natri azide, và 0,1% ProClin 300. R1b: 3,1 ml Chất cộng hợp: phosphatase kiềm - kháng thể kháng AMH, đệm MES, chất hoạt động bề mặt, protein (bò, tái tổ hợp), > 0,1% natri azide, và 0,1% ProClin 300. R1c: 3,1 ml Đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, protein (chuột, bò), < 0,1% natri azide và 0,1% ProClin 300..ISO 13585, CE	Châu Âu	Hộp	3	
236	Định lượng Cortisol	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng cortisol; Phương pháp: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh; Dải đo: 0,4-60 µg/dL [11-1.655 nmol/L]; Thành phần chính: chất nền BSA, natri azit, Huyết thanh miễn dịch của thỏ kháng cortisol	G7	Hộp	2	
237	Chất chuẩn Cortisol	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng cortisol; Thành phần chính: huyết thanh người, natri azit, ProClin, cortisol ở các mức nồng độ khác nhau	G7	Hộp	1	
238	Chất chuẩn iPTH	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng iPTH; Thành phần chính: đệm PBS, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, PTH (kháng nguyên tổng hợp) ở các mức nồng độ khác nhau	G7	Hộp	3	
239	Định lượng iPTH	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng iPTH; Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"); Dải đo: 1-3500 pg/mL (0,1-371 pmol/L); Thành phần chính: Kháng thể của dê kháng PTH, BSA, natri azit, ProClin	G7	Hộp	2	
240	Định lượng PCT	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Hóa chất định lượng procalcitonin; Phương pháp: miễn dịch enzym ("sandwich"); Dải đo: 0,01-100 ng/mL; Thành phần chính: kháng thể đơn dòng ở chuỗi kháng procalcitonin người trong dung dịch đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, protein (bò), natri azit và ProClin.	G7	Hộp	2	
241	Chất chuẩn PCT	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng procalcitonin; Thành phần chính: Dung dịch đệm HEPES đồng khô có protein (bò), natri azit và ProClin	G7	Hộp	1	
242	Dung dịch rửa dùng cho máy	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch công suất >= 100 xét nghiệm/ giờ; Thành phần: muối đệm TRIS, natri azit	Châu Á	Hộp	35	

1	2	3	4	5	6	7	8
243	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Dung dịch rửa máy hàng ngày; Thành phần: anionic và nonionic, và các alkanolamine, không chứa phosphate.	G7	Bình	2	
244	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Dung dịch rửa máy hàng ngày; Thành phần: anionic và nonionic, và các alkanolamine, không chứa phosphate.	G7	Bình	2	
245	Dung dịch kiểm tra máy	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Dung dịch kiểm tra máy; Thành phần: Phosphatase kiểm, albumin huyết thanh bò, ProClin, natri azit.	G7	Hộp	2	
246	Dung dịch pha loãng mẫu	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Dung dịch pha loãng mẫu; Thành phần: Albumin huyết thanh bò, natri azit, ProClin	G7	Hộp	1	
247	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)	G7	Lọ	3	
248	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)	G7	Lọ	3	
249	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động. Xuất xứ thiết bị: G7	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)	G7	Lọ	3	
250	Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng hiệu năng cao	Máy xét nghiệm HbA1c. Xuất xứ thiết bị: G7	Được sử dụng cho mục đích định lượng hemoglobin A1c (HbA1c) trong máu toàn phần từ tĩnh mạch hoặc máu mao mạch. Thành phần chính: Cột phân tích: Polymer gel, Dung dịch Buffer A và B: Methanol, Ammonia. Độ ổn định sau mở nắp của hóa chất: 30 ngày hoặc tương đương	G7	Bộ	27	
251	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	Máy xét nghiệm HbA1c. Xuất xứ thiết bị: G7	Được sử dụng để kiểm soát hiệu năng của xét nghiệm định lượng glycated Hemoglobin Thành phần: Máu toàn phần Dạng đóng gói: Đóng khô hoặc tương đương; Độ ổn định sau hoàn nguyên (chưa pha loãng): ổn định trong vòng 90 ngày khi được bảo quản ở $\leq -20^{\circ}\text{C}$ hoặc tương đương.	G7	Hộp	6	

1	2	3	4	5	6	7	8
252	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HbA1c	Máy xét nghiệm HbA1c. Xuất xứ thiết bị: G7	Được sử dụng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1C theo phương pháp ái lực. Thành phần: Máu toàn phần Dạng đông gói: Bột đông khô hoặc tương đương; Độ ổn định sau hoàn nguyên (chứa pha loãng): ổn định trong vòng 90 ngày khi được bảo quản ở $\leq -20^{\circ}\text{C}$ hoặc tương đương.	G7	Hộp	6	
253	Hóa chất xét nghiệm đông máu	Máy xét nghiệm đông máu tự động. Xuất xứ thiết bị: Châu Âu.	1. Là thuốc thử thromboplastin óc kèm theo dung môi để định lượng Prothrombin Time (PT). 2. Thành phần hoạt tính: chiết trích thromboplastin từ óc kèm chất ổn định. Dung môi là buffer chứa ion canxi và natri axít ($<0,01\%$) đóng vai trò như chất bảo quản. 3. Bảo quản từ $2-8^{\circ}\text{C}$. Độ ổn định sau khi mở nắp, 8 giờ ở 37°C , 1 ngày ở $20-25^{\circ}\text{C}$, 2 ngày ở $15-19^{\circ}\text{C}$, 12 ngày ở $2-8^{\circ}\text{C}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	25	
254	Hóa chất xét nghiệm đông máu	Máy xét nghiệm đông máu tự động. Xuất xứ thiết bị: Châu Âu.	1. Là hóa chất phospholipid được chiết xuất từ não thỏ, sử dụng để xác định APTT. 2. Thành phần hoạt hóa: là phospholipid lấy từ não thỏ, chứa ellagic acid trong môi trường buffered với chất ổn định. 3. Bảo quản từ $2-8^{\circ}\text{C}$. Độ ổn định sau khi mở nắp, 1 ngày ở $20-25^{\circ}\text{C}$, 2 ngày ở $15-19^{\circ}\text{C}$, 5 ngày ở $2-8^{\circ}\text{C}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Dùng để kiểm chuẩn chất lượng bình thường và bất thường cho các xét nghiệm tầm soát đông máu dưới đây: prothrombin time (PT), activated partial thromboplastin time (APTT), fibrinogen and thrombin time (TT). - Hóa chất là dạng đông khô, gồm huyết tương người và chất ổn định. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	12	
255	Hóa chất xét nghiệm đông máu	Máy xét nghiệm đông máu tự động. Xuất xứ thiết bị: Châu Âu.	Là dung dịch rửa hypochlorite, làm sạch hiệu quả các mảnh vỡ tế bào, protein và triglyceride bằng cách phân hủy oxy hóa và hòa tan chất tẩy rửa, được sử dụng để bảo trì hàng ngày và rửa máy đo đông máu. Thành phần hoạt tính: sodium hypochlorite $< 5,0\%$ sodium hydroxide $< 1,0\%$ detergent $< 1,0\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	8	
256	Hóa chất xét nghiệm đông máu	Máy xét nghiệm đông máu tự động. Xuất xứ thiết bị: Châu Âu.	Thuốc thử chân đoán định lượng trong ống nghiệm để xác định trong huyết tương bằng hệ thống photometric. Xác định thời gian cố định của nồng độ D-dimer bằng đo photometric của phản ứng kháng nguyên – kháng thể giữa kháng thể chống lại giới hạn D-dimer thành phần từ và D-dimer hiện diện trong mẫu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	4	
257	Hóa chất xét nghiệm đông máu	Máy xét nghiệm đông máu tự động. Xuất xứ thiết bị: Châu Âu.	Các chất kiểm soát là các lyophylizate dựa trên huyết tương của con người, chúng phù hợp với các phép đo. Chất kiểm soát đông khô chứa kháng nguyên có nguồn gốc từ huyết tương người với quá trình tiêu hóa bằng enzyme, muối và protein huyết tương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	2	
258	Hóa chất xét nghiệm đông máu	Máy xét nghiệm đông máu tự động. Xuất xứ thiết bị: Châu Âu.	Là chất đông khô, alpha thrombin tinh khiết của người trong môi trường buffer với calcium và chất ổn định, được sử dụng để định lượng level của plasma fibrinogen. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	2	
259	Hóa chất xét nghiệm đông máu	Máy xét nghiệm đông máu tự động. Xuất xứ thiết bị: Châu Âu.	Là dung dịch buffer $0,025\text{M}$ kèm chất bảo quản, được sử dụng trong xét nghiệm tầm soát đông máu như APTT. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	5	
260	Hóa chất xét nghiệm đông máu	Máy xét nghiệm đông máu tự động. Xuất xứ thiết bị: Châu Âu.		Châu Âu	Hộp	5	

1	2	3	4	5	6	7	8
261	Hóa chất xét nghiệm đông máu	Máy xét nghiệm đông máu tự động. Xuất xứ thiết bị: Châu Âu.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: nhựa Acrylic, dùng 1 lần. - Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng, nơi thoáng mát. - Dung để chứa hóa chất và mẫu xét nghiệm đông máu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	Châu Âu	Hộp	7	
262	Hóa chất xét nghiệm đông máu	Máy xét nghiệm đông máu tự động. Xuất xứ thiết bị: Châu Âu.	<ul style="list-style-type: none"> - Hoá chất rửa chứa chất hoạt tính bề mặt được sử dụng để bảo trì hằng ngày và rửa máy phân tích đông máu. - Được sử dụng để bảo trì hằng ngày và rửa máy . - Chất hoạt tính bề mặt max. 1,0 %. Chất bảo quản max. 0,5 % - Đối với các xét nghiệm đông máu dưới đây: <ul style="list-style-type: none"> • Prothrombin time • Activated partial thromboplastin time • Fibrinogen (• Thrombin time. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	Châu Âu	Hộp	7	
263	Hóa chất xét nghiệm đông máu	Máy xét nghiệm đông máu tự động. Xuất xứ thiết bị: Châu Âu.	Là dung dịch buffer kèm chất ổn định, dùng cho xét nghiệm tầm soát đông máu fibrinogen (FIB). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Hộp	4	
264	Hóa chất xét nghiệm lắng máu	Máy xét nghiệm lắng máu tự động. Xuất xứ thiết bị: Châu Âu.	Ống nhựa polypropylene. Nắp bảo vệ: ngăn nhiễm khuẩn. Chất chống đông: 4NC/ Citrate 3Na. Dung cụ chứa mẫu máu dùng cho máy xét nghiệm lắng máu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Ống	2,000	
265	Hóa chất xét nghiệm lắng máu	Máy xét nghiệm lắng máu tự động. Xuất xứ thiết bị: Châu Âu.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công dụng Máu toàn phần nội kiểm test lắng máu 2. Thành phần Level 1 Normal Level 2 Abnormal Dung dịch hồng cầu của động vật có vú trong huyết tương với chất bảo quản. Đóng trong tube nhựa.	Châu Âu	Hộp	20	
266	Que thử nước tiểu 10 thông số	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số. Xuất xứ thiết bị: G7. (Glucose, Ketones, Protein, pH, Blood, Nitrite, Leukocytes, Specific Gravity, Bilirubin, Urobilinogen)	Thông số: Bilirubin, Blood, Density, Glucose, Ketones, Leukocytes, Nitrite, pH, Protein, Urobilinogen. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.	G7	Test	18,000	

1	2	3	4	5	6	7	8
267	Hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy nước tiểu	Máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số. Xuất xứ thiết bị: G7. (Glucose, Ketones, Protein, pH, Blood, Nitrite, Leukocytes, Specific Gravity, Bilirubin, Urobilinogen)	Dùng để chuẩn hóa độ chính xác của xét nghiệm sinh hóa nước tiểu trên máy xét nghiệm sinh hóa nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Test	10,000	
268	Hóa chất định nhóm máu A	Hóa chất thường quy, không theo máy	<ol style="list-style-type: none"> Công dụng: thuốc thử định nhóm máu A trong xét nghiệm Slide và Tube. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng IgM đặc hiệu với kháng nguyên A trên hồng cầu Đặc tính hiệu suất: Tính đặc hiệu: Kháng nguyên A 100% đối với A1 A2 Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C Độ bền sau khi mở nắp: 2-8 độ C trong 24 tháng nếu không bị tạp nhiễm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	Châu Á	Lọ	20	
269	Hóa chất định nhóm máu B	Hóa chất thường quy, không theo máy	<ol style="list-style-type: none"> Công dụng: thuốc thử định nhóm máu B trong xét nghiệm Slide và Tube. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng IgM đặc hiệu với kháng nguyên B trên hồng cầu Đặc tính hiệu suất: Tính đặc hiệu: Kháng nguyên B 100%, phản ứng âm tính với kháng nguyên B tạp nhiễm Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C Độ bền sau khi mở nắp: 2-8 độ C trong 24 tháng nếu không bị tạp nhiễm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	Châu Á	Lọ	20	
270	Hóa chất định nhóm máu D	Hóa chất thường quy, không theo máy	<ol style="list-style-type: none"> Công dụng: thuốc thử nhóm máu phụ Rh trong xét nghiệm Slide và Tube Phương pháp đo: phản ứng ngưng kết Antigen và Antibodies Thành phần: dung dịch chứa monoclonal Antibodies IgM + IgG miễn dịch Dạng sử dụng: chất lỏng Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C Hạn sử dụng: 24 tháng Độ bền sau khi mở nắp: 2-8 độ C trong 24 tháng Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	Châu Á	Lọ	20	
271	Hóa chất định nhóm máu AHG	Hóa chất thường quy, không theo máy	<ol style="list-style-type: none"> Công dụng: thuốc thử đa đặc hiệu cho xét nghiệm AHG (Coombs) trực tiếp và gián tiếp Thành phần: Antibodies phát hiện các IgG và C3d ở người Dạng sử dụng: chất lỏng Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C Hạn sử dụng: 24 tháng Độ bền sau khi mở nắp: 2-8 độ C trong 24 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	Châu Á	Lọ	1	

1	2	3	4	5	6	7	8
272	Test nhanh chẩn đoán kháng thể viêm gan C	Hóa chất thường quy, không theo máy	<p>Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C. Không sử dụng dung dịch đệm.</p> <p>Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy $\geq 99,8\%$. - Độ đặc hiệu $\geq 99,2\%$. - Độ chính xác $\geq 99,5\%$. - Ngưỡng phát hiện: 2NCU/ml - Độ lặp lại: 100%. - Độ ổn định: 100%. <p>Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016</p> <p>Phát hiện định tính kháng nguyên virus viêm gan B.</p> <p>Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy $\geq 99,8\%$. - Độ đặc hiệu $\geq 99,9\%$. - Độ chính xác $\geq 99,85\%$. - Ngưỡng phát hiện: 2ng/ml - Độ lặp lại: 100%. - Độ ổn định: 100% <p>Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016</p>	Châu Á	Test	6,000	
273	Test nhanh chẩn đoán kháng nguyên viêm gan siêu vi B	Hóa chất thường quy, không theo máy	<p>Sử dụng mẫu thử máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Sử dụng mẫu thử máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy tương quan: 86,7%, Độ đặc hiệu tương quan: 91% - Vùng cộng hợp được phù cộng hợp vàng kháng nguyên H.Pylori&IgG thỏ - Vạch kết quả kháng thể chuột kháng IgG người - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG thỏ. - Bảo quản ở nhiệt độ thường. <p>Định tính phát hiện HAV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Sử dụng mẫu thử huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: 90,6%, Độ đặc hiệu tương quan: 97,6% - Phát hiện các kháng thể IgM - Vùng cộng hợp được phù cộng hợp vàng kháng thể chuột kháng IgG người - Vạch kết quả kháng nguyên HAV tái tổ hợp - Vạch chứng: Được phủ bởi kháng thể dê kháng IgG chuột - Không phản ứng chéo với mẫu Dengue, HBV, HCV, HEV, HIV, Malaria, TB... - Bảo quản kit thử ở nhiệt độ thường. 	Châu Á	Test	7,000	
274	Test nhanh chẩn đoán kháng thể vi khuẩn H.Pylori	Hóa chất thường quy, không theo máy	<p>Sử dụng mẫu thử máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Sử dụng mẫu thử máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy tương quan: 86,7%, Độ đặc hiệu tương quan: 91% - Vùng cộng hợp được phù cộng hợp vàng kháng nguyên H.Pylori&IgG thỏ - Vạch kết quả kháng thể chuột kháng IgG người - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG thỏ. - Bảo quản ở nhiệt độ thường. <p>Định tính phát hiện HAV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Sử dụng mẫu thử huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: 90,6%, Độ đặc hiệu tương quan: 97,6% - Phát hiện các kháng thể IgM - Vùng cộng hợp được phù cộng hợp vàng kháng thể chuột kháng IgG người - Vạch kết quả kháng nguyên HAV tái tổ hợp - Vạch chứng: Được phủ bởi kháng thể dê kháng IgG chuột - Không phản ứng chéo với mẫu Dengue, HBV, HCV, HEV, HIV, Malaria, TB... - Bảo quản kit thử ở nhiệt độ thường. 	Châu Á	Test	3,000	
275	Test nhanh chẩn đoán kháng thể viêm gan A	Hóa chất thường quy, không theo máy	<p>Sử dụng mẫu thử máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Sử dụng mẫu thử máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy tương quan: 86,7%, Độ đặc hiệu tương quan: 91% - Vùng cộng hợp được phù cộng hợp vàng kháng nguyên H.Pylori&IgG thỏ - Vạch kết quả kháng thể chuột kháng IgG người - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG thỏ. - Bảo quản ở nhiệt độ thường. <p>Định tính phát hiện HAV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Sử dụng mẫu thử huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy tương quan: 90,6%, Độ đặc hiệu tương quan: 97,6% - Phát hiện các kháng thể IgM - Vùng cộng hợp được phù cộng hợp vàng kháng thể chuột kháng IgG người - Vạch kết quả kháng nguyên HAV tái tổ hợp - Vạch chứng: Được phủ bởi kháng thể dê kháng IgG chuột - Không phản ứng chéo với mẫu Dengue, HBV, HCV, HEV, HIV, Malaria, TB... - Bảo quản kit thử ở nhiệt độ thường. 	Châu Á	Test	1,000	

1	2	3	4	5	6	7	8
276	Test nhanh phát hiện kháng thể NS1	Hóa chất thường quy, không theo máy	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Định tính phát hiện các kháng thể kháng vi rút Dengue(IgG/IgM) - Vạch IgG: Độ nhạy tương quan: 97.3%, Độ đặc hiệu tương quan: 99.3% - Vạch IgM: Độ nhạy tương quan: 96.9%, Độ đặc hiệu tương quan: 98.9% - Vùng cộng hợp: Kháng nguyên Dengue(A2302) tái tổ hợp kháng kháng nguyên Dengue(A2313) tái tổ hợp&IgG thỏ - Vạch kết quả M:Kháng thể chuột kháng IgM người - Vạch kết quả G: Kháng thể chuột kháng IgG người - Vạch chứng:Kháng thể dê kháng IgG thỏ - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm HAV, HBV, HCV, HIV, H.pylori... - Kit thử bảo quản nhiệt độ thường. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Phát hiện định tính kháng thể IgG/IgM trong huyết tương, huyết thanh hoặc trong máu toàn phần của người, Giúp chẩn đoán nhiễm trùng Lao.. - Mẫu bệnh phẩm: Huyết thanh/máu nhiễm trùng Lao.. - Độ nhạy $\geq 97\%$. - Độ đặc hiệu $\geq 97\%$. - Độ chính xác $\geq 97\%$. - Ngưỡng phát hiện: 350IU/ml - Độ lặp lại: 100% - Độ ổn định: 100% - Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. - Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 	Châu Á	Test	1,000	
277	Test nhanh phát hiện kháng thể Lao	Hóa chất thường quy, không theo máy	<ul style="list-style-type: none"> - Định tính phát hiện kháng thể HEV trong huyết thanh huyết tương - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Định tính phát hiện kháng thể HEV trong huyết thanh huyết tương - Độ nhạy tương quan: 98.1%, Độ đặc hiệu tương quan: 99.2% - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp được phủ sẵn kháng nguyên HEV tái tổ hợp và IgG thỏ. - Vạch thử được phủ bởi kháng thể chuột kháng IgM người. - Vạch chứng được phủ bởi kháng thể dê kháng IgG thỏ. - Kit thử bảo quản nhiệt độ thường. - Định tính phát hiện mẫu ăn trong mẫu phân FOB của người. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Mẫu thử phân người - Ngưỡng phát hiện 25ng/ml - Độ nhạy tương quan: 95.8%, Độ đặc hiệu tương quan: 98.9% - Vùng cộng hợp: kháng thể kháng hemoglobin người 1; - Vạch kết quả: kháng thể kháng hemoglobin người 2; - Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgG-chuột - Độ nhạy phân tích 25ng/ml - Bảo quản ở nhiệt độ thường. 	Châu Á	Test	1,000	
278	Test nhanh chẩn đoán kháng thể viêm gan E	Hóa chất thường quy, không theo máy					
279	Test thử phát hiện máu ẩn trong phân người	Hóa chất thường quy, không theo máy		Châu Á	Test	1,000	

1	2	3	4	5	6	7	8
280	Test nhanh phát hiện ma túy 4 trong 1	Hóa chất thường quy, không theo máy	<p>Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu bệnh phẩm: Nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: <ul style="list-style-type: none"> + Morphine: 300 ng/ml + Amphetamine: 1.000 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml - Độ nhạy $\geq 99,8\%$. - Độ đặc hiệu $\geq 99,6\%$. - Độ chính xác $\geq 99,7\%$. - Độ lặp lại: 100% - Độ ổn định: 100%. <p>Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016</p>	Châu Á	Test	7,000	
281	Test nhanh chẩn đoán Dengue NS1	Hóa chất thường quy, không theo máy	<p>Phát hiện kháng nguyên Vius Dengue Ag (Ns1).</p> <p>Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Ngưỡng phát hiện: 0,25 ng/ml <p>Độ nhạy tương quan: 100% Độ đặc hiệu tương quan: 99,6%</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Vùng cộng hợp: Kháng thể chuột kháng Dengue Ag - Vạch kết quả: Kháng thể thỏ kháng Dengue Ag - Vạch chứng: Kháng thể dê kháng IgG chuột - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Malaria, HIV, HCV, HAV, HBV, TB.... - Bảo quản ở nhiệt độ thường". 	Châu Á	Test	15,000	
282	Que thử nước tiểu 11 thông số	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số. Xuất xứ thiết bị: Châu Á.	<p>Chủng loại: Que thử dùng để thử 11 thông số trong nước tiểu: PH, Protein, Glucose, Ketone, Urobilinogen, Bilirubin, Blood, Specific Gravity, Ascorbic Acid, Leukocytes, Nitrite. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p>	Châu Á	Test	40,000	
283	Hóa chất Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu Mức 1	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số. Xuất xứ thiết bị: Châu Á.	<p>Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 13 thông số. Bảo quản 2-8 độ C. Mở nắp tối thiểu 30 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p>	G7	Hộp	5	
284	Hóa chất Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu Mức 2	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số. Xuất xứ thiết bị: Châu Á.	<p>Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 13 thông số. Bảo quản 2-8 độ C. Mở nắp tối thiểu 30 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p>	G7	Hộp	5	

1	2	3	4	5	6	7	8
285	Thuốc thử xét nghiệm PT	Máy xét nghiệm đông máu. Xuất xứ thiết bị: G7.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT) - Đông gói dạng bột đông khô, thành phần chứa yếu tố mô người tái tổ hợp (hoàn nguyên ~ 100-200 ug/L) với phospholipid tổng hợp, calcium, chất trung hòa heparin, chất đệm và chất ổn định BSA - Độ ổn định của hóa chất sau hoàn nguyên: <ul style="list-style-type: none"> ≥ 10 ngày khi bảo quản ở +2 tới +8 °C (đóng nắp lọ) ≥ 5 ngày khi bảo quản ở +15 tới +25 °C (đóng nắp lọ) ≥ 24 giờ khi được bảo quản ở +37 °C (đóng nắp lọ) - Độ tái lập tổng quát: <ul style="list-style-type: none"> PT% < 10% PT giây < 5% PT INR < 5%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	G7	Hộp	30	
286	Nước rửa mức 2	Máy xét nghiệm đông máu. Xuất xứ thiết bị: G7.	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng để rửa kim trên hệ thống máu đông máu tự động - Đông gói dạng lỏng - Dung dịch có tính acid, nồng độ HCl < 1%, chất hoạt động bề mặt không ion hóa 0.5% - Độ ổn định sau mở nắp: ≥ 2 tháng khi bảo quản ở 5 tới 35 °C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	G7	Lọ	10	
287	Công đo	Máy xét nghiệm đông máu. Xuất xứ thiết bị: G7.	<ul style="list-style-type: none"> Công phân ứng cho máy xét nghiệm đông máu tự động bằng cơ chế đo ánh sáng tán xạ. Công sử dụng một lần. - Công phân ứng tương thích, đồng bộ dành cho dòng máy đông máu tự động tương ứng. - Lưu trữ ở nhiệt Độ phòng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	G7	Cái	12,000	
288	Thuốc thử xét nghiệm APTT	Máy xét nghiệm đông máu. Xuất xứ thiết bị: G7.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hoá từng phần (APTT) và có thể sử dụng kết hợp với các huyết tương thiếu hụt yếu tố để định lượng các yếu tố đông máu - Đông gói dạng lỏng, thành phần chứa phosphatit đầu nành tính khiết và cephaline não thỏ trong 1 x 0,0001 acid ellagic, chất đệm, chất ổn định và chất bảo quản - Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: ≥ 7 ngày khi bảo quản ở +2 tới +15 °C (đóng nắp lọ) - Độ tái lập tổng thể < 8%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	G7	Hộp	30	
289	CalcilChloride	Máy xét nghiệm đông máu. Xuất xứ thiết bị: G7.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng như hoá chất bổ sung trong các xét nghiệm đông máu - Đông gói dạng lỏng, dung dịch calcium chloride 0.025 mol/L - Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: ≥ 8 tuần khi bảo quản ở +2 tới +25 °C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	G7	Hộp	5	
290	Thuốc thử xét nghiệm Fibrinogen	Máy xét nghiệm đông máu. Xuất xứ thiết bị: G7.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng để định lượng fibrinogen trong huyết tương - Đông gói dạng bột đông khô, thành phần chứa thrombin có nguồn gốc từ bò khoảng 100 IU/ml - Độ ổn định của hóa chất sau hoàn nguyên: <ul style="list-style-type: none"> ≥ 5 ngày khi bảo quản ở +2 tới +8 °C (đóng nắp lọ) ≥ 8 giờ khi được bảo quản ở +15 to +25 °C (đóng nắp lọ). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	G7	Hộp	10	

1	2	3	4	5	6	7	8
291	Dung dịch đệm trong xét nghiệm đông máu	Máy xét nghiệm đông máu. Xuất xứ thiết bị: G7.	<ul style="list-style-type: none"> - Là dung dịch đệm trong xét nghiệm đông máu - Đóng gói dạng lỏng, thành phần gồm sodium barbital 2.84 x 0,01M và sodium chloride 1.25 x 0.1M, pH 7.35 ± 0.1 - Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: 8 tuần khi bảo quản ở +2 tới 8 °C (nắp đóng). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	G7	Hộp	10	
292	Nước rửa mức 1	Máy xét nghiệm đông máu. Xuất xứ thiết bị: G7.	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng để rửa kim trên hệ thống máu đông máu tự động -Đóng gói dạng lỏng -Dung dịch có tính kiềm, nồng độ NaClO ≥ 1% -Độ ổn định sau mở nắp: ≥ 1 tháng khi bảo quản ở 2 tới 8 °C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	G7	Lọ	40	
293	Nội kiểm mức 1	Máy xét nghiệm đông máu. Xuất xứ thiết bị: G7.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu ở giới hạn bình thường, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT, TT, Fibrinogen, ATIII, Thời gian Batroxobin/ Reptilase - Đóng gói dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương tươi được chống đông citrat của những người bình thường - Độ ổn định sau hoàn nguyên: <ul style="list-style-type: none"> ≥ 16 giờ khi bảo quản ở +2 tới +8 °C (đóng nắp lọ) ≥ 8 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C (đóng nắp lọ). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	G7	Hộp	20	
294	Nội kiểm mức 2	Máy xét nghiệm đông máu. Xuất xứ thiết bị: G7.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu trong khoảng giới hạn từ giữa đến cao của giới hạn điều trị trong liệu pháp kháng đông đường uống, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT - Đóng gói dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương tươi được chống đông citrat của người - Độ ổn định sau hoàn nguyên: <ul style="list-style-type: none"> ≥ 16 giờ khi bảo quản ở +2 tới +8 °C (đóng nắp lọ) ≥ 8 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C (đóng nắp lọ). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Sử dụng để đánh giá độ chính xác và độ lệch phân tích trong giới hạn bệnh lý cho các xét nghiệm PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen, thời gian Thrombin - Đóng gói dạng bột đông khô, không chứa chất bảo quản, chứa huyết tương người, chất ổn định HEPES - Độ ổn định sau hoàn nguyên: <ul style="list-style-type: none"> ≥ 4 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C ≥ 4 tuần ở khi bảo quản ở ≤ -20 °C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	G7	Hộp	20	
295	Nội kiểm mức cao	Máy xét nghiệm đông máu. Xuất xứ thiết bị: G7.	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói dạng bột đông khô, không chứa chất bảo quản, chứa huyết tương người, chất ổn định HEPES - Độ ổn định sau hoàn nguyên: <ul style="list-style-type: none"> ≥ 4 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C ≥ 4 tuần ở khi bảo quản ở ≤ -20 °C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	G7	Hộp	8	
296	Dung dịch phân tích bạch cầu	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	<ul style="list-style-type: none"> Dung dịch xử lý vô ngoại tế bào trong tách phân bạch cầu. Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Organic buffer < 0,15 % - Surfactant < 0,03 % - Alcohol < 0,06 % - Preservative < 0,07 % Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 	G7	Thùng	60	

1	2	3	4	5	6	7	8
297	Dung dịch chuẩn (control)	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	Vật liệu kiểm chuẩn huyết học dùng để đánh giá độ chính xác của máy phân tích huyết học, cung cấp các thành phần khác nhau của bạch cầu. Thành phần: Thuốc thử màu toàn phần này có thể chứa nhiều hoặc tất cả các thành phần sau: tế bào hồng cầu ổn định của người hoặc động vật có vú, tế bào bạch cầu mô phỏng của người và động vật có vú, và thành phần tiểu cầu trong môi trường bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA	G7	Bộ	45	
298	Thẻ định nhóm máu đầu giường ABO gắn sẵn huyết thanh mẫu	Hóa chất thường quy, không theo máy	Thẻ định nhóm máu đầu giường trước truyền máu Thành phần: - Anti-A (đồng A0003), - Anti-B (đồng B005), - Chất ổn định: $\leq 0.1\%$ NaN ₃ , Độ nhạy: Anti A: 100%; Anti B: 100% Độ đặc hiệu: Anti A: 100%; Anti B: 100% Chất bảo quản: Sodium azide < 1,0mg/ml trong test xét nghiệm + Nhiệt độ bảo quản: 2-25°C Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	G7	Test	500	
299	Card phản ứng chéo 8 giếng	Hóa chất thường quy, không theo máy	Thẻ 8 giếng (1 test) được sử dụng để xác định nhóm máu ABO và Rh (D), kiểm tra tính tương thích, kiểm tra độ chéo với enzyme và nghiệm pháp Coombs và kiểm tra tự chứng với enzyme và nghiệm pháp Coombs. Mỗi test xét nghiệm gồm 8 giếng có thành phần như sau: - Giếng 1 - Giếng A (ABO1): Anti-A đơn tính - Giếng 2 - Giếng B (ABO2): Anti-B đơn tính - Giếng 3 - Giếng DVI+(RH1): Anti-D đơn tính (kháng thể IgG và IgM của người) - Giếng 4 - Giếng Cl.: kiểm chuẩn âm tính - Giếng 5,6 - Giếng N: gel trung tính (cho kiểm tra độ chéo với enzyme và kiểm tra tự chứng với enzyme) - Giếng 7,8 - AHG: Polyspecific coombs Độ nhạy: Anti A 100%, Anti B 100%, Anti D 98.55% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Châu Âu	Card	100	
300	Card 8 giếng xác định nhóm máu ABO/Rh phương pháp huyết thanh mẫu	Hóa chất thường quy, không theo máy	Card 8 giếng gel xác định nhóm máu ABO/Rh bằng huyết thanh mẫu. Mỗi Card 2 test xét nghiệm nhóm máu. Mỗi test xét nghiệm 4 giếng. 4 giếng đầu có thành phần như sau: Giếng 1 : monoclonal Anti-A (BIRMA-1 clone), Giếng 2: monoclonal Anti-B (LB 2 clone), Giếng 3: monoclonal Anti-D (IgG ở người và IgM antibodies, RUM 1 clone, MS- 26 clone), Giếng 4: Cl. microtube: Độ nhạy Anti A 100%, Anti B 100%, Anti D 98.55% Hộp/50 card (card/2 test). Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Card	100	
301	Dung dịch bảo quản hồng cầu	Hóa chất thường quy, không theo máy	Dung dịch pha loãng hồng cầu chứa dung dịch đệm có cường độ ion thấp. Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Âu	Chai	20	

1	2	3	4	5	6	7	8
302	Dung dịch xác định HGB	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	<p>Dung dịch ly giải cho máy Huyết học</p> <p>Là thuốc thử xác định HGB</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quaternary salt < 2,5 % - Organic buffer < 0,27 % - Stabiliser < 0,02 % <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p>	G7	Thùng	45	
303	Dung dịch pha loãng	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	<p>Dung dịch đệm đẳng trương để pha loãng mẫu máu trên máy xét nghiệm huyết học để xác định các thông số tế bào</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sodium Chloride < 0,9 % - Potassium Chloride < 0,05 % - Buffer < 0,4 % - Stabiliser < 0,01 % <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p>	G7	Thùng	150	
304	Dung dịch rửa máy	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	<p>Dung dịch rửa làm sạch các mảnh vụn tế bào, protein và chất béo bằng cách hoà tan chất tẩy</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Organic buffer < 0,5 % - Sodium salts < 2,0 % - Proteolytic enzyme < 35% - Chất bảo quản < 0,05 % <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485</p>	G7	Chai	20	
305	Dung dịch pha loãng	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	<p>Tính năng: sử dụng làm dung dịch đệm đẳng trương cùng với chất phân hủy không chứa cyanide để đếm và định cỡ các tế bào máu trên tất cả các Hệ thống phân tích tế bào.</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> Natri sunfat: 13,73 g/L Natri clorua: 1,04 g/L Tetracaine HCL: 0,02 g/L Imidazole: 2,85 g/L <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p>	Châu Á	Hộp	300	
306	Dung dịch ly giải hồng cầu	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	<p>Tính năng: Chất phân hủy hồng cầu để định lượng hemoglobin, đếm NRBC, đếm và định cỡ bạch cầu trên hệ thống phân tích tế bào (công suất ≥ 100 xét nghiệm/giờ).</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> Muối amoni bạc bốn: 5-80 g/L Natri sunfit: 1-5 g/L <p>Chất ổn định.</p> <p>Chất đệm. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.</p>	Châu Á	Hộp	25	

1	2	3	4	5	6	7	8
307	Dung dịch ly giải bạch phân	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	Tính năng: Ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu trên hệ thống phân tích tế bào. Thành phần: + Thuốc thử: Chất làm ướt : 0,3–1,5 g/L Axit fomic : 1,2 mL/L + Thuốc thử: Natri cacbonat : 6 g/L Natri clorua : 14,5 g/L Natri sunfat : 31,3 g/L. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Á	Hộp	35	
308	Dung dịch rửa	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	Tính năng: chất tẩy rửa để sử dụng trên các cầu phân của Hệ thống phân tích tế bào tiếp xúc với các mẫu máu Thành phần: Một dung dịch chứa enzim huỷ protein. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Châu Á	Hộp	24	
309	Chất kiểm chuẩn CP-X	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	Tính năng: Chất kiểm chuẩn được thiết kế để sử dụng trên các Hệ thống phân tích tế bào cùng với thuốc thử đặc hiệu. Chất kiểm chuẩn này được sử dụng để theo dõi các giá trị đo thông số thể tích, tính dẫn và độ tán xạ ánh sáng Thành phần: Thê huyền phù của các hạt polystyrene trong chất đệm chứa chất hoạt tính bề mặt Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Lọ	5	
310	Chất chuẩn máy	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	Tính năng: Hóa chất hiệu chuẩn dùng để xác định các hệ số hiệu chuẩn cho Hệ thống phân tích tế bào Thành phần: Chất hiệu chuẩn bao gồm hồng cầu người đã xử lý, ổn định và các thành phần có kích thước tiêu cầu trong chất đẳng trương. Hồng cầu có định được thêm vào để mô phỏng bạch cầu Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
311	Chất kiểm chứng 6C	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	Tính năng: kiểm soát chất lượng huyết học được sử dụng để giám sát hiệu quả của máy xét nghiệm huyết học Thành phần: bao gồm hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu đã xử lý và ổn định trong chất đẳng trương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	12	
312	Hóa chất xét nghiệm hồng cầu lưới	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	Tính năng: Dùng trên hệ thống phân tích tế bào để loại bỏ tế bào hồng cầu và nhuộm các tế bào lưới Thành phần: Thuốc nhuộm Retic Xanh methylen mới trong dung dịch đệm: 0,06% (w/v) Retic Clear Axit sunfuric có chất ổn định: 0,15% (w/v). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	
313	Chất kiểm chuẩn hồng cầu lưới	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	Tính năng: Chất kiểm chuẩn tế bào là vật liệu kiểm soát chất lượng mẫu được sử dụng để theo dõi hiệu quả của Hệ thống phân tích tế bào. Thành phần: Chất kiểm chuẩn tế bào bao gồm hồng cầu người đã xử lý và ổn định trong chất đẳng trương. Chất kiểm chuẩn tế bào cũng chứa thành phần giống như tế bào lưới, đã ổn định Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G7	Hộp	1	



1	2	3	4				5	6	7	8
314	Chất kiểm chuẩn dịch cơ thể	Máy xét nghiệm huyết học tự động. Xuất xứ thiết bị: G7.	<p>Tính năng: Chất kiểm soát dịch cơ thể là vật liệu kiểm soát chất lượng máu được sử dụng để theo dõi hiệu quả và xác minh phạm vi đo chu kỳ dịch cơ thể của các Hệ thống phân tích tế bào.</p> <p>Thành phần: hồng cầu người đã xử lý, ổn định trong chất đẳng trương. Chất kiểm chuẩn cũng chứa thành phần có kích thước tiểu cầu, đã ổn định và hồng cầu có định đề mô phỏng bạch cầu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p> <p>Phát hiện định tính nhóm chất thuốc phiện Morphine - Heroin - Opiates trong nước tiểu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu bệnh phẩm: Nước tiểu. - Ngưỡng phát hiện: 300 ng/ml. - Độ nhạy ≥ 99,8%. - Độ đặc hiệu ≥ 99,6%. - Độ chính xác ≥ 99,7% - Độ lặp lại: 100% - Độ ổn định: 100% <p>Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016</p>				G7	Hộp	1	
315	Test nhanh chất gây nghiện Heroin -Morphin	Hóa chất thường quy, không theo máy					Châu Á	Test	1,000	

Tổng cộng: 315 mặt hàng yêu cầu báo giá.

Ngày 24 tháng 04 năm 2024
GIÁM ĐỐC



Trương Hoàng Việt